BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng TRUNG QUỐC

3

SÁCH GIÁO VIÊN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN HOÀNG ANH (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN PHƯỚC LỘC (Chủ biên)
TRẦN THỊ KIM LOAN – VƯƠNG QUẾ THU – NGUYỄN THỊ THANH THUÝ

Tiếng TRUNG QUỐC

3

SÁCH GIÁO VIÊN

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

GV: giáo viên

HS: học sinh

SGK: sách giáo khoa

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên Tiếng Trung Quốc 3 là cuốn sách hướng dẫn và gợi ý giáo viên sử dụng sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 3*** thuộc bộ sách giáo khoa Tiếng Trung Quốc - Ngoại ngữ 1 được biên soạn để phục vụ cho Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Trung Quốc, Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm, do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT–BGDĐT ngày 1 tháng 7 năm 2021. Cuốn sách gồm 03 phần:

PHẦN I: Những vấn đề chung

Phần này sẽ giới thiệu các nội dung sau: (1) Mục tiêu cần đạt khi sử dụng sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 3***; (2) Đối tượng sử dụng và phạm vi sử dụng sách; (3) Nguyên tắc biên soạn sách; (4) Phương pháp biên soạn; (5) Tổng quan cấu trúc sách; (6) Phương pháp, kĩ năng giảng dạy và khai thác đồ dùng và thiết bị dạy học; (7) Gợi ý hình thức kiểm tra đánh giá. (8) Cấu trúc giáo án tham khảo.

PHẦN II: Gợi ý giảng dạy từng bài học

Phần này sẽ giới thiệu các nội dung sau cho từng bài học: (1) Yêu cầu cần đạt; (2) Trọng tâm dạy học (bao gồm kiến thức, kĩ năng ngôn ngữ và văn hoá trong giao tiếp); (3) Đồ dùng và thiết bị dạy học; (4) Tiến trình lên lớp (kèm theo thời lượng, nội dung giảng dạy, gợi ý các hình thức giảng luyện); (5) Phương pháp giảng luyện.

PHẦN III: Mẫu đề kiểm tra cuối kì

Nội dung trong cuốn ***Sách giáo viên Tiếng Trung Quốc 3*** chỉ nhằm định hướng và gợi ý cho giáo viên trong quá trình giảng dạy và sử dụng sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 3***. Với mỗi điều kiện dạy học cụ thể, giáo viên cần áp dụng các hình thức dạy học linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với từng đối tượng học sinh, nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng là sử dụng hiệu quả sách giáo khoa.

Chúc các thầy cô thành công trong bước đầu tạo hứng thú và bồi dưỡng niềm say mê học tập tiếng Trung Quốc của học sinh, giúp học sinh hăng hái, tự tin tiếp tục môn học ở các năm học tiếp theo.

Nhóm tác giả

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU **3**

MỤC LỤC **4**

PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG **5**

1. Mục tiêu cần đạt 5

2. Đối tượng sử dụng và phạm vi sử dụng 6

3. Nguyên tắc biên soạn 6

4. Phương pháp biên soạn 7

5. Tổng quan cấu trúc 7

6. Phương pháp, kĩ năng giảng dạy và khai thác đồ dùng và thiết bị dạy học 9

7. Gợi ý hình thức kiểm tra đánh giá 11

8. Cấu trúc giáo án tham khảo 11

PHẦN II: GỢI Ý GIẢNG DẠY TỪNG BÀI HỌC **12**

第一课：我们学发音（1） 12

第二课：我们学发音（2） 18

第三课：我们学发音（3） 23

第四课：我们学发音（4） 28

第五课：老师，您好 34

第六课：这是我朋友 40

第七课：我叫杜国安 46

第八课：复习（1） 52

第九课：你有弟弟吗 57

第十课：你弟弟几岁 63

第十一课：你爸爸做什么工作 69

第十二课：复习（2） 75

第十三课：我和弟弟都喜欢红色 80

第十四课：这件衣服很漂亮 85

第十五课：我会说中文 90

第十六课：复习（3） 95

PHẦN III: MẪU ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ **100**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1.1 Mục tiêu chung

Bộ sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 3*** (Tập 1 và Tập 2) thuộc bộ sách giáo khoa Tiếng Trung Quốc - Ngoại ngữ 1 được biên soạn để phục vụ cho Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Trung Quốc, Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm, sử dụng cho học sinh lớp 3. Đây là cuốn sách đầu tiên trong Chương trình, cung cấp cho học sinh những kiến thức và kĩ năng tiếng Trung Quốc cơ bản nhất ở bậc 1 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sau khi hoàn thành chương trình lớp 3, học sinh có khả năng giao tiếp ngắn với những câu cơ bản nhất trong các chủ điểm của Chương trình với phát âm chuẩn xác, đọc và nhận biết được các câu từ đã học bằng chữ Hán và phiên âm, viết được một số lượng chữ Hán nhất định. Đây là giai đoạn quan trọng để học sinh làm quen và tạo hứng thú với tiếng Trung Quốc, hình thành thói quen và động lực học tập, tạo tiền đề cho quá trình học tập nâng cao năng lực tiếng Trung Quốc phục vụ mục đích giao tiếp ở các lớp học tiếp theo.

Trên cơ sở đó, sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 3*** được xây dựng với các nội dung dạy học: (1) Hệ thống âm đầu, vần, thanh điệu và cấu trúc âm tiết phiên âm tiếng Trung Quốc; (2) Các nét chữ Hán cơ bản và quy tắc viết chữ; (3) Một số câu giao tiếp cơ bản, quen thuộc về các chủ điểm bạn bè, trường học, gia đình và thế giới đồ vật xung quanh..., giúp học sinh bước đầu làm quen với tiếng Trung Quốc, với văn hoá, đất nước và con người Trung Quốc, hình thành thái độ tích cực và thiện cảm đối với nền văn hoá và ngôn ngữ Trung Quốc, thông qua đó, bước đầu giúp các em hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết, nuôi dưỡng khả năng thích ứng linh hoạt trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Tiếng Trung Quốc 3 giúp học sinh đạt được những mục tiêu cụ thể như sau:

– Về kĩ năng ngôn ngữ:

Giao tiếp đơn giản bằng tiếng Trung Quốc về các chủ đề trong Chương trình thông qua bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết (phiên âm và một số chữ Hán đơn giản), trong đó nhấn mạnh hai kĩ năng nghe và nói. Cụ thể: Đọc được phiên âm tiếng Hán, phát âm rõ ràng chuẩn mực. Nhận được mặt chữ và đọc được các từ ngữ đã học; Nắm được cách viết các nét chữ Hán cơ bản, vận dụng được quy tắc viết chữ Hán để viết được 60 chữ Hán. Viết phiên âm hoặc viết chữ Hán một số cụm từ, câu đơn giản; Nghe hiểu và nói được những câu thoại ngắn thuộc chủ điểm đã học.

Nghe hiểu, trả lời và làm theo những chỉ dẫn đơn giản trong lớp học.

– Về kiến thức ngôn ngữ, văn hoá:

Có kiến thức cơ bản về hệ thống âm tiết trong tiếng Trung Quốc, biết sơ bộ về một số chữ Hán tượng hình, chữ Hán hội ý, nắm và vận dụng được khoảng 100 từ ngữ và khoảng 25 cấu trúc câu về các chủ điểm đã học; bước đầu biết về một số nét văn hoá trong giao tiếp của người Trung Quốc.

– Về thái độ tình cảm:

Hình thành hứng thú và có thái độ tích cực đối với việc học tiếng Trung Quốc. Bước đầu hình thành cách học tiếng Trung Quốc hiệu quả.

2. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG

– Đối tượng sử dụng: Giáo viên và học sinh lớp 3 dạy và học tiếng Trung Quốc như một ngoại ngữ theo chương trình giáo dục phổ thông môn ngoại ngữ hệ 10 năm.

– Phạm vi sử dụng: Sách sử dụng đại trà cho học sinh trên toàn quốc.

3. NGUYÊN TẮC BIÊN SOẠN

Bộ sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 3*** được biên soạn dựa trên những nguyên tắc cơ bản sau đây:

– Tuân thủ các quy định được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo nói chung và Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Trung Quốc do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT–BGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2021 nói riêng.

– Bám sát các cơ sở lí luận, kết quả nghiên cứu cập nhật, đáng tin cậy về thiết kế và xây dựng sách giáo khoa cho học sinh cấp tiểu học, kết hợp hài hoà với tình hình thực tế ở Việt Nam, đảm bảo sự đa dạng của đối tượng học sinh xét về phương diện vùng miền, điều kiện và khả năng học tập.

– Đảm bảo bám sát hệ thống chủ điểm, chủ đề được nêu trong Chương trình, đảm bảo tính liên thông và tiếp nối của việc dạy học tiếng Trung Quốc với các giai đoạn tiếp theo, bước đầu tạo nền tảng hướng tới mục tiêu tiếp cận chuẩn đầu ra của toàn bộ Chương trình.

– Đảm bảo lấy hoạt động của học sinh làm trung tâm trong quá trình dạy học. Năng lực giao tiếp tiếng Trung Quốc của học sinh được phát triển thông qua hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo, giúp khuyến khích học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm ngôn ngữ ở mức tối đa, bước đầu làm quen, tạo tiền đề hình thành khả năng tự học.

– Bám sát các quy định về phương pháp giáo dục, kiểm tra đánh giá và nội dung hướng dẫn thực hiện chương trình, trong đó có quy định về phân bổ thời lượng dạy học bao gồm 140 tiết (4 tiết/tuần, 35 tuần).

4. PHƯƠNG PHÁP BIÊN SOẠN

Bộ sách giáo khoa ***Tiếng Trung Quốc 3*** được biên soạn theo một số phương pháp tiêu biểu sau đây:

– Thiết kế nội dung và hoạt động học tập theo đường hướng giao tiếp, chú ý rèn luyện cho học sinh bốn kĩ năng: nghe, nói, đọc, viết, tuy nhiên, kĩ năng nghe và nói được chú trọng hơn.

– Thiết kế hội thoại theo tình huống giao tiếp sát với thực tế, tạo cảm giác gần gũi dễ nhớ.

– Thiết kế nội dung kiến thức ngôn ngữ theo nội dung giao tiếp với trật tự từ dễ đến khó, có sự lặp lại, mở rộng và nâng cao. Để không tạo áp lực nặng nề về lí thuyết, Bộ sách không sử dụng các thuật ngữ ngôn ngữ học, mà chỉ thông qua các ví dụ cụ thể, giới thiệu và hướng dẫn một cách ngắn gọn, dễ hiểu nhất các kiến thức ngôn ngữ đặc thù, khác với tiếng Việt hoặc học sinh dễ nhầm lẫn. Với kiến thức ngôn ngữ tương tự như tiếng Việt thì học sinh được tiếp nhận một cách tự nhiên trong các câu giao tiếp.

– Thiết kế nội dung và hoạt động học tập phong phú, đa dạng, với nhiều hình ảnh trực quan, sinh động, khơi dậy niềm đam mê và hứng thú học tập, bước đầu hình thành các kĩ năng học tập cho học sinh như quan sát, mô phỏng, phân tích...

– Thiết kế các hoạt động với hình thức tổ chức đa dạng như luyện tập cá nhân, luyện tập nhóm, đảm bảo sự tương tác nhiều chiều giữa học sinh với giáo viên, giữa học sinh với học sinh, giữa các cá nhân và các nhóm với nhau. Các hoạt động đều được kết hợp với các kĩ năng thực hành tiếng (nghe, nói, đọc, viết).

– Thiết kế hoạt động học tập dựa trên phương pháp liên hệ, so sánh, giúp học sinh bước đầu hình thành khả năng phân tích những điểm tương đồng, khác biệt về ngôn ngữ, văn hoá của Việt Nam và Trung Quốc, khơi dậy sự quan tâm nhiều hơn của học sinh đến đất nước và con người Trung Quốc, từ đó cũng thêm yêu tiếng mẹ đẻ và văn hoá của dân tộc mình.

5. TỔNG QUAN CẤU TRÚC

Bộ sách chia làm 2 tập: Tập 1 và Tập 2. Mỗi tập đều bao gồm: (1) Lời nói đầu; (2) Hướng dẫn sử dụng sách; (3) Mục lục; (4) Giới thiệu các nhân vật chính; (5) Các câu giao tiếp thường dùng trên lớp; (6) Các chủ điểm; (7) Bảng từ vựng. Phần "Mục lục" được thiết kế theo hình thức ma trận giúp giáo viên và học sinh bao quát được toàn bộ nội dung dạy học trong từng tập sách, bao gồm số thứ tự bài học, tên bài học, mục tiêu bài học, kiến thức cần ghi nhớ, từ ngữ mới, số trang. "Bảng từ vựng" đặt ở cuối mỗi cuốn sách, soạn theo từng tập và được sắp xếp theo trật tự phiên âm, bao gồm phiên âm, chữ Hán, nghĩa tiếng Việt, số thứ tự bài xuất hiện để học sinh tiện tra cứu ôn tập.

Nội dung bài học Tập 1 gồm Chủ điểm 1 (Chúng em học phát âm) và Chủ điểm 2

(Bạn bè và mái trường); Nội dung bài học Tập 2 gồm Chủ điểm 3 (Gia đình của em) và Chủ điểm 4 (Thế giới của em).

Các nhân vật chính trong bộ sách là 6 em học sinh lớp 3 (3 nam, 3 nữ), 2 thầy cô giáo và thành viên trong gia đình của các em. Bối cảnh giao tiếp trực tiếp liên quan đến chủ đề, chủ điểm của bài học.

Chủ điểm 1: Bối cảnh giao tiếp trên lớp, thầy cô giáo hướng dẫn học sinh luyện tập phát âm. Để ghép âm tiết được thuận lợi, nguyên âm, thanh điệu được luyện tập trước các âm đầu tương ứng một bước. Mỗi bài học bao gồm:

(1) Mục tiêu cần đạt;

(2) Các nguyên âm hoặc vần (được chia thành các phần nhỏ theo hệ thống ngữ âm tiếng Trung Quốc và phù hợp trình tự từ dễ đến khó);

(3) Thanh điệu hoặc các vấn đề về biến điệu;

(4) Các âm đầu (được chia thành các phần nhỏ theo hệ thống ngữ âm tiếng Trung Quốc và phù hợp trình tự từ dễ đến khó);

(5) Các âm luyện đọc tương ứng với các từ có nghĩa gần gũi với lứa tuổi học sinh hoặc có thể sử dụng trong các chủ điểm tiếp theo của sách giáo khoa;

(6) Các hình ảnh và đồ hoạ phù hợp, tạo hứng thú cho học sinh;

(7) Các bài tập luyện ngữ âm tổng hợp.

Chủ điểm 1 gồm 4 bài học, không có bài ôn tập. Phần ôn tập ngữ âm được bố trí trong các bài học của chủ điểm 2.

Chủ điểm 2, 3, 4 có bối cảnh giao tiếp tương đối tự do. Có thể ở trường, ở nhà một bạn học sinh hoặc ở siêu thị, cửa hàng. Mỗi chủ điểm gồm 3 bài học tương ứng với các chủ đề khác nhau. Mỗi bài học đều được chia thành 2 nội dung giao tiếp nhỏ. Mỗi nội dung giao tiếp nhỏ gồm 2 cặp hội thoại ngắn. Các cặp hội thoại đều xoay quanh chủ đề giao tiếp của bài học. Mỗi bài học bao gồm:

(1) Mục tiêu cần đạt;

(2) Nghe đọc từ mới có tranh minh hoạ kèm theo;

(3) Giảng luyện các cách biểu đạt mới;

(4) Nghe đọc các cụm từ, câu và hội thoại theo chủ đề, chủ điểm;

(5) Học và luyện viết chữ Hán;

(6) Luyện tập tổng hợp các kĩ năng giao tiếp, đồng thời củng cố kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, chữ Hán.

Riêng chủ điểm 2, mở đầu mỗi bài học đều có thêm nội dung ôn luyện phát âm đã học ở chủ điểm 1.

Các bài ôn tập sau chủ điểm 2, 3, 4 nhằm củng cố kiến thức và kĩ năng đã học trong chủ điểm, gồm mục tiêu cần đạt, các bài tập luyện phát âm, viết chữ Hán, luyện nhớ từ ngữ, cấu trúc và kĩ năng giao tiếp theo chủ đề, chủ điểm.

6. PHƯƠNG PHÁP, KĨ NĂNG GIẢNG DẠY VÀ KHAI THÁC ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

6.1 Phương pháp, kĩ năng giảng dạy

Phương pháp giảng dạy chủ đạo là phương pháp dạy học giao tiếp, luôn luôn coi trọng việc hình thành và ưu tiên phát triển các kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) cho học sinh. Kết hợp nhuần nhuyễn nghe – nói, đọc – nói, viết – nói. Mọi hoạt động giao tiếp đều phải được thực hiện trong các ngữ cảnh cụ thể. Chủ thể giao tiếp bao gồm giáo viên với học sinh (cá nhân hoặc nhóm hoặc cả lớp), giữa hai học sinh, giữa các thành viên trong một nhóm 3 – 5 học sinh, giữa các nhóm học sinh với nhau, hoặc giữa học sinh lớp này với học sinh lớp khác. Hình thức giao tiếp trực tiếp là chính, cũng có thể thông qua các phương tiện khác như ghi âm, nhắn tin, viết thư,...

Truyền thụ kiến thức ngôn ngữ, văn hoá trong quá trình luyện tập kĩ năng. Tích hợp giảng dạy các kiến thức ngữ âm, văn tự, từ vựng, ngữ pháp, văn hoá trong khi thực hành giao tiếp. Cụ thể, khi dạy phát âm cần giới thiệu cấu trúc âm tiết giống với tiếng Việt để tạo cho học sinh cảm giác dễ dàng tiếp nhận và học cách phát âm của âm đầu, vần và thanh điệu. Với những âm gần với tiếng Việt hoặc dễ phát âm thì chỉ cần thông qua mô phỏng phát âm lặp đi lặp lại để ghi nhớ. Với những âm khác với tiếng Việt hoặc khó phát âm cần kết hợp mô phỏng với phác hoạ miêu tả vị trí phát âm, cách phát âm một cách trực quan, dễ hiểu. Khi cần thiết có thể so sánh nội bộ các âm trong tiếng Hán và đối chiếu giữa tiếng Hán với tiếng Việt để giúp học sinh phân biệt và ghi nhớ. Kết hợp dạy phát âm từng âm tiết với từ đơn, từ ghép, cụm từ và câu.

Chú ý luyện phát âm trong ngữ lưu kết hợp với ngữ điệu. Mục tiêu là giúp học sinh phát âm chính xác, tự nhiên, tự tin ngay từ những buổi học đầu. Chữ Hán đối với hầu hết học sinh đều xa lạ và có phần tạo ra lo lắng song cũng gây tò mò nhất định cho học sinh. Vì vậy, ở giai đoạn nhập môn, giáo viên không những cần tránh nhắc đến các khó khăn trong việc học chữ Hán, mà phải gợi mở sự hấp dẫn về vẻ đẹp hình thức cũng như giá trị biểu nghĩa của loại văn tự này thông qua một số chữ Hán tượng hình đơn giản và những chữ hội ý trực quan, dễ hiểu, dễ nhớ. Từ đó khích lệ học sinh hứng thú, mong muốn khám phá và học tập chữ Hán. Kiến thức từ vựng và ngữ pháp cần được kết hợp giảng, luyện nhuần nhuyễn. Khi giới thiệu một hoặc một nhóm từ mới, một cấu trúc mới cần phải thực hiện ngay việc tổ hợp cụm từ, đặt câu và hội thoại ngắn. Học sinh cần được ghi nhớ từ ngữ và cấu trúc trong các giao tiếp cụ thể. Không sử dụng thuật ngữ ngôn ngữ học không phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh lớp 3. Các kiến thức văn hoá xã hội liên quan cần được kịp thời giảng giải và chú ý ghi nhớ ngay mỗi lần xuất hiện trong giao tiếp nhằm đạt mục đích kép là học tập ngôn ngữ để tìm hiểu văn hoá văn minh.

Tuỳ từng nội dung bài học và điều kiện dạy học cụ thể có thể áp dụng phương pháp dạy học giao nhiệm vụ. Yêu cầu học sinh thông qua các từ ngữ, cấu trúc đã học và các phương tiện hỗ trợ liên quan, thực hiện các giao tiếp cần thiết để hoàn thành một nhiệm vụ nhất định.

Linh hoạt trong hình thức và hoạt động dạy học. Căn cứ vào từng bài học, từng giờ học, từng nội dung dạy học để thay đổi các hình thức và thủ pháp lên lớp. Tránh yêu cầu học sinh tập trung ghi nhớ cao độ trong thời gian dài. Sau mỗi 8 đến 10 phút cần thay đổi phương thức giảng luyện để tạo sự thay đổi không khí học tập. Các câu chuyện ngôn ngữ hài hước ngắn, phù hợp hoặc những hình ảnh, âm thanh sống động đan xen giữa những nội dung giảng luyện sẽ là nhân tố quan trọng để tạo ra sự linh hoạt và nâng cao hiệu quả của giờ học. Đặc biệt với lứa tuổi học sinh lớp 3 còn khá hiếu động, không thật tập trung, dễ quên, nên một số nội dung trong bài học cần được lặp đi lặp lại bằng những hình thức dạy học khác nhau, từ đó ghi nhớ và tạo phản xạ trong giao tiếp.

Giáo viên cần ân cần chỉ ra những sai sót, kiên trì mềm mỏng giúp học sinh chỉnh sửa lỗi. Đặc biệt bằng các hình thức khác nhau cần kịp thời khen ngợi, khích lệ, động viên từng tiến bộ của học sinh giúp học sinh mạnh dạn tự tin, từ đó nâng cao hiệu quả học tập.

Việc ghi chép và rút kinh nghiệm cũng như những lưu ý, bổ sung quan trọng sau giờ học giúp giáo viên không ngừng cải thiện kĩ năng và hiệu quả dạy học, đồng thời cũng là những gợi ý cho các đề tài nghiên cứu khoa học có giá trị thực tiễn cao.

6.2 Khai thác đồ dùng và thiết bị dạy học

Đồ dùng, thiết bị và các phần mềm dạy học (như phần mềm dạy viết chữ Hán, luyện âm,...) có tác dụng hỗ trợ tích cực cho hoạt động dạy học. Có thể tạo ra hình ảnh trực quan sinh động, tạo lập ngữ cảnh giao tiếp, hiệu ứng âm thanh, ánh sáng, màu sắc, cảnh quan thực tế... từ đó kích thích hứng thú học tập và khích lệ nhu cầu giao tiếp của học sinh.

Với mỗi bài học cần lựa chọn đồ dùng và thiết bị dạy học gần gũi, dễ tiếp cận, phù hợp với nội dung bài học và môi trường dạy học thực tế. Ở các nơi có điều kiện thuận lợi, cần tích cực chủ động tận dụng thiết bị công nghệ cao trong dạy học như điện thoại thông minh, máy tính bảng, internet,... để thiết kế bổ sung các dạng bài tập, trò chơi ngôn ngữ online... Ngoài ra có thể sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học miễn phí hoặc thu phí để mở rộng, nâng cao kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ văn hoá cho học sinh.

Giáo viên có thể sưu tầm, lựa chọn, biên tập các học liệu tham khảo (bao gồm ngữ liệu trên internet, sách học, vở viết tập, câu chuyện về chữ Hán, phim hoạt hình, các bài hát đồng dao...) phù hợp trình độ và nội dung cuốn sách để hướng dẫn các học sinh khá giỏi bồi dưỡng ngữ cảm và mở rộng vốn từ.

Hướng dẫn học sinh tự tạo ra các tư liệu học tập, như vẽ tranh về bạn bè, nhà trường, gia đình, những đồ vật, màu sắc, đồ ăn thức uống yêu thích hoặc tự thiết kế danh thiếp, thiệp sinh nhật,...

7. GỢI Ý HÌNH THỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Kiểm tra đánh giá là khâu quan trọng và cũng là nội dung cấu thành trong việc sử dụng hiệu quả sách giáo khoa. Hình thức kiểm tra đánh giá cần linh hoạt và kết hợp các hình thức khác nhau để đạt được mục đích đánh giá toàn diện.

Kết hợp giữa (1) Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; (2) Đánh giá chẩn đoán, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết (ưu tiên đánh giá quá trình); (3) Đánh giá tham chiếu tiêu chí và đánh giá tham chiếu định chuẩn (ưu tiên đánh giá tham chiếu tiêu chí); (4) Đánh giá tích hợp năng lực sử dụng ngôn ngữ và đánh giá riêng lẻ từng kĩ năng giao tiếp ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), ở giai đoạn đầu có thể đánh giá riêng lẻ kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm).

Kết hợp các hình thức đánh giá định tính và định lượng. Khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh tự đánh giá và tham gia vào quá trình đánh giá.

8. CẤU TRÚC GIÁO ÁN THAM KHẢO

Giáo án giảng dạy là kế hoạch và dàn ý giờ lên lớp của giáo viên, giúp giáo viên chủ động thực hiện giờ dạy đúng mục đích, đúng kế hoạch và hiệu quả. Bao gồm các nội dung sau:

(1) Tiêu đề bài học: Cần ghi rõ tên bài, thuộc chủ điểm cụ thể nào.

(2) Mục đích bài học: Trong đó hiệu quả giao tiếp là mục đích bao trùm, các mục tiêu về kĩ năng, kiến thức ngôn ngữ, văn hoá đều nhằm thực hiện mục đích giao tiếp.

(3) Trọng tâm dạy học: Liệt kê các nội dung về giảng luyện kĩ năng và kiến thức ngôn ngữ, văn hoá cụ thể của bài học.

(4) Phương pháp dạy học: Ưu tiên phương pháp chủ đạo là dạy học giao tiếp, kết hợp với các thủ pháp, kĩ năng bổ trợ khác.

(5) Đồ dùng và thiết bị dạy học: Liệt kê các đồ dùng và thiết bị dạy học phù hợp với từng bài học và với điều kiện thực tế.

(6) Tiến trình dạy học: Cần thể hiện rõ và đầy đủ các nội dung dạy học cụ thể, thời gian tương ứng, hình thức hoạt động của giáo viên và học sinh cho từng nội dung dạy học, mục đích cần đạt của các hoạt động đó...

(7) Phương thức kiểm tra đánh giá: Bao gồm kiểm tra việc ôn tập bài cũ, kiểm tra hiệu quả tiếp nhận kiến thức mới học, kiểm tra mức độ chuyển hoá kĩ năng giao tiếp,...

(8) Phản hồi sau giờ học: Đây là ô trống để giáo viên bổ sung và hoàn thành sau mỗi giờ học, nhằm rút kinh nghiệm về mọi mặt cho các giờ học tiếp theo, là tư liệu góp ý phản hồi cho các bên liên quan và là gợi ý cho chính giáo viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

PHẦN II:
GỢI Ý GIẢNG DẠY TỪNG BÀI HỌC

第一课：我们学发音（1）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 1, học sinh có thể phát âm và nhận biết được các nguyên âm, âm đầu, thanh điệu trong bài.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

1.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Các âm đầu b, p, m, f và d, t, n, l.

– Các nguyên âm a, o, e, i, u.

– 4 thanh điệu cơ bản.

1.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe và phân biệt được các âm đầu, nguyên âm và thanh điệu.

– Phát âm đúng các nguyên âm, âm đầu và 4 thanh điệu cơ bản.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu, một tờ giấy mỏng.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Tranh vẽ độ cao 4 thanh điệu (có thể tham khảo trong sách học sinh).

– Tranh vẽ khoang miệng thể hiện vị trí các âm đầu b, p, m, f và d, t, n, l.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp	– GV kiểm tra sĩ số, giới thiệu bản thân (họ tên, là GV phụ trách môn Tiếng Trung Quốc lớp 3) và yêu cầu một số HS tự giới thiệu về mình. – Các bước tiến hành như sau: 1- GV giới thiệu về mình. 2- Sau khi giới thiệu xong, GV chỉ định bạn HS 1 giới thiệu, bạn HS 1 giới thiệu xong chỉ định bạn HS 2, cứ như vậy cho đến khi giới thiệu xong 1/3 lớp.
2	Chơi trò chơi ngắn để dẫn dắt vào bài học	Mục đích chơi trò chơi: Tìm hiểu, làm quen với đất nước Trung Quốc. Cách chơi: – Cô giáo chia lớp thành 5 – 6 nhóm (mỗi nhóm 5 – 6 HS). – Cô giáo đưa câu hỏi, các bạn giơ tay trả lời. Bạn nào giơ tay sớm nhất sẽ giành được cơ hội trả lời câu hỏi. Mỗi lần trả lời đúng sẽ được cộng 1 điểm cho nhóm của mình. Sau khi kết thúc, nhóm nào được nhiều điểm nhất sẽ thắng. – Một số câu hỏi tham khảo: (1) Thủ đô của Trung Quốc tên là gì? Nằm ở đâu? (2) Ngôn ngữ sử dụng chính thức của Trung Quốc là gì? (3) Chữ viết mà Trung Quốc đang sử dụng là loại hình chữ gì? (4) Em còn biết những thành phố lớn nào của Trung Quốc? (5)... – Đáp án: (1) Bắc Kinh, phía bắc của Trung Quốc (2) Tiếng phổ thông (3) Chữ tượng hình (4) Thượng Hải, Thiên Tân.... (Đáp án mở)
3	Giới thiệu đơn giản về các thành phần âm tiết trong tiếng Trung Quốc	Viết phiên âm từ "hǎo" lên bảng, hướng dẫn cả lớp cùng đọc to. Giới thiệu âm tiết "hǎo" gồm có âm đầu h, vần ao, có thanh điệu là thanh 3. Từ đó dẫn vào nội dung bài học bài 1 (các nguyên âm đơn, 4 thanh điệu cơ bản và một số âm đầu đơn giản.)

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Nguyên âm ɑ, o, e, i, u	– GV mở file 1/1 cho HS cùng luyện các nguyên âm ɑ, o, e, i, u. – GV dẫn đọc, cả lớp đọc theo. Sau đó mời một vài HS đọc để luyện âm, chỉnh âm (nếu có). – GV kết hợp cho HS luyện nghe và nhận biết thứ tự đúng của âm nghe được (file 1/2). Đáp án: 1. o 2. u 3. i 4. ɑ 5. e
2	4 thanh điệu cơ bản	– GV cho HS đọc lại các nguyên âm ở tiết học trước. – GV dùng máy tính chiếu khung 4 thanh điệu tiếng Hán cho HS biết được độ cao các thanh điệu. – GV mở nghe file 1/3 cho HS nghe và mô phỏng. – GV đọc mẫu 4 thanh điệu, chú ý đọc to, rõ ràng. Hướng dẫn HS đọc theo. GV đặc biệt lưu ý khi hướng dẫn HS đọc thanh 4. – Cho HS tự đọc, mời từng em đọc, nghe và chỉnh âm cho từng HS. – GV kết hợp cho HS làm bài tập nghe và viết thanh điệu đúng cho các âm dưới đây. – GV mở file 1/4 để HS nghe và chọn thanh điệu chính xác. HS nghe xong một âm sẽ nói thanh đó là thanh mấy (thanh 1, 2, 3, 4). – Đáp án: Thanh 4 – Thanh 3 – Thanh 2 – Thanh 1 Thanh 1 – Thanh 2 – Thanh 3 – Thanh 4 Thanh 3 – Thanh 1 – Thanh 4 – Thanh 2 ɑ̀ ɑ̌ ɑ́ ɑ̄ yī yí yǐ yì wǔ wū wù wú **Lưu ý:** *Giới thiệu quy tắc phiên âm khi các nguyên âm i, u một mình làm thành 1 âm tiết.* • *Khi i đứng một mình thành âm tiết thì phải thêm y vào phía trước, ví dụ: i → yi.* • *Khi u đứng một mình thành âm tiết thì phải thêm w vào phía trước, ví dụ: u → wu.*

Tiết	Nội dung	Hình thức
3+4	Âm đầu b, p, m, f	– GV cho HS đọc một số nguyên âm + thanh điệu để ôn tập nhanh phần đã học. – GV mở file cho HS nghe và mô phỏng. – GV giới thiệu b, p, m là nhóm âm môi-môi, khi phát âm hai môi mím lại và đẩy luồng hơi thoát ra. F là âm môi răng, khi phát âm cần kết hợp răng dưới và môi trên để phát âm cho thật chính xác. – B là âm ko bật hơi, p là âm bật hơi. GV khi thể sử dụng tờ giấy mỏng đặt trước mặt khi phát âm để HS thấy sự khác biệt. Nếu đọc âm p thì tờ giấy rung mạnh, biểu thị âm bật hơi với luồng khí mạnh, ngược lại khi phát âm b, m, f thì tờ giấy khẽ rung, biểu thị luồng khí yếu. – GV đọc mẫu các âm đầu b, p, m, f có kết hợp với nguyên âm a và thanh 1 (bā, pā, mā, fā). Hướng dẫn HS đọc theo. – Cho HS tự đọc, mời từng em đọc, nghe và chỉnh âm cho từng HS luyện đọc các từ trong bài tập phía sau. **Lưu ý**: *Khi b, p, m, f kết hợp với o thì khi đọc vẫn phải có âm u ngắn.*
5+6	Âm đầu d, t, n, l	– GV giới thiệu rất ngắn gọn, đơn giản vị trí phát âm của d, t, n, l như sau: d là âm đầu lưỡi đặt tại phần lợi ngay phía sau hàm răng trên. Vị trí phát âm của d và t giống nhau, tuy nhiên t bật hơi mạnh hơn tạo thành âm bật hơi (có thể sử dụng tờ giấy mỏng đặt trước mặt khi phát âm để HS thấy sự khác biệt giữa bật hơi và không bật hơi). Hướng dẫn HS đọc theo. Cho HS tự đọc, mời từng em đọc, nghe và chỉnh âm cho từng HS. – GV cho HS đọc d, t, n, l kết hợp một số nguyên âm và thanh điệu để ôn tập nhanh phần đã học (lưu ý âm đầu bật hơi t và thanh 4). – GV cho HS luyện đọc bài tập đọc âm phía dưới, lưu ý âm tā, tǔ, nì và lì.
7+8	Luyện tập tổng hợp	– Luyện tập nguyên âm, thanh điệu và hai nhóm âm đầu.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		Bài 1. Em hãy nghe và đọc theo các âm dưới đây. – GV mở file nghe 1/7, cho HS nghe và đọc theo. GV luyện đọc cho HS (luyện chung và luyện riêng). Trong bài tập này, GV chú ý luyện đọc nhiều lần các âm như: pǐ, mō, fó, tù và wù. Bài 2. Chúng mình cùng chơi ghép âm. – Trong phần này, GV chia HS thành 3 nhóm, mỗi nhóm 4 học sinh hoặc nhiều hơn (căn cứ vào sĩ số lớp). Một nhóm cầm thẻ âm đầu d, t, n, l; Một nhóm cầm thẻ vần a, o, i, u; Một nhóm cầm thẻ 4 thanh điệu. Thành viên mỗi nhóm cầm các âm được đọc nhanh chóng ghép thành nhóm mang âm đó (chú ý thứ tự đứng: âm đầu – vần – thanh điệu). – Các nhóm ghép âm như vậy cho đến khi các âm đầu đều được ghép thành âm tiết. – Nhóm nào ghép đúng sẽ có phần thưởng của GV hoặc có động viên, khích lệ tương tự.

4.3. Củng cố bài đã học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài đã học	– GV chỉ định một số HS đứng lên nhắc lại các nguyên âm, thanh điệu và âm đầu đã học trong bài. Trong đó lưu ý chọn nhiều âm tiết có âm bật hơi (p, t) và thanh 4, 1 nhiều hơn để luyện tập. – GV có thể kiểm tra lại mức độ nắm vững phát âm của HS bằng cách đọc chính tả cho các em viết âm tiết (ôn luyện âm đầu, vần, thanh điệu). Sau khi viết xong mời các em cùng phát âm âm đó.
2	Gợi ý tự học cho HS	– Nghe lại file nghe để ôn lại cách phát âm các âm đã học. – Làm bài tập ở phần sách bài tập để giúp các em quen dần với cách phát âm các từ.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để luyện tập các âm đã học trong bài.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.2 Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

– Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

– Tạo nhóm để chơi trò chơi, tạo sự cạnh tranh lành mạnh cũng khiến HS có hứng thú học tập nhiều hơn. Chú trọng việc học mà chơi, chơi mà học.

5.3 Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第二课：我们学发音（2）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 2, học sinh có thể phát âm và nhận biết được các âm đầu, vần trong bài.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Các âm đầu g, k, h và j, q, x;

– Các vần ghép ɑi, ei, ɑo, ou, iɑ, ie, iɑo, iou (iu);

– Các vần âm mũi ɑn, en, ɑng, eng, ong.

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe và phân biệt được các âm đầu, vần.

– Phát âm đúng các vần và âm đầu.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu, một tờ giấy mỏng.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Tranh vẽ khoang miệng thể hiện vị trí các âm đầu g, k, h và j, q, x.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp	Tạo không khí sôi động bằng cách nghe bài hát thanh điệu. GV và HS đứng lên (rời khỏi vị trí nếu có thể) cùng hát to để tập trung sự chú ý của HS và để chuẩn bị vào bài học.
2	Ôn lại nội dung đã học	– GV khởi động lớp học bằng cách cho HS nghe bài hát Nguyên âm (单韵母歌) (có thể tìm tư liệu trên internet). – Cùng ôn lại bài cũ bằng cách nghe bài hát B P M F (b, p, m, f 歌) (có thể tìm tư liệu trên internet).

STT	Nội dung	Hình thức
3	Hoạt động trò chơi	– Chia lớp ra thành nhiều nhóm, mỗi nhóm 3 – 4 bạn. HS trả lời đúng 1 câu được 1 điểm. Điểm cuối cùng sẽ là tổng của cả nhóm. – Sau khi kết thúc trò chơi, nhóm nào trả lời đúng nhất thì được giải nhất. (1) Đố nhận biết thanh điệu: + GV đọc 1 âm tiết, HS nói thanh điệu trong âm tiết đó là thanh mấy. + GV đọc khoảng 5 – 7 âm tiết. (2) Đố nhận biết âm đầu (b, p, m, f): + GV đọc 1 âm tiết, HS nói âm đầu trong âm tiết đó là âm đầu nào. + GV đọc khoảng 5 – 7 âm tiết. (3) Đố nhận biết nguyên âm đơn (a, o, e, i, u): + GV đọc 1 âm tiết, HS nói nguyên âm trong âm tiết đó là nguyên âm nào. + GV đọc khoảng 5 – 7 âm tiết.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Vần ghép ai, ei, ao, ou	– GV ôn lại cách phát âm của các nguyên âm **a, o, e, i, u**. GV nối a và i tạo thành ai, nối e và i tạo thành ei, nối a và o tạo thành ao, nối o và u tạo thành ou. – GV mở file 2/1 cho HS cùng luyện vần ghép **ai, ei, ao, ou**. Trong đó GV viết đậm nguyên âm chính trong các vần này lên, nhấn mạnh cho HS khi đọc cần phải nhấn vào các nguyên âm chính này: **ai, ei, ao, ou.** – GV chỉ định HS đọc các âm trong bài tập phát âm, luyện phát âm cho các em.
2	Vần âm mũi an, en, ang, eng, ong	– Các bước tương tự với vần âm mũi **an, en, ang, eng, ong**. GV cũng viết đậm nguyên âm chính trong đó: **an, en, ang, eng, ong**. – GV mở file nghe 2/2, cả lớp đọc theo. Sau đó mời một vài HS đọc để luyện âm, chỉnh âm (nếu có). Trong phần này, GV chú ý âm en, eng, ong. Nhóm âm này HS phát âm dễ bị nhầm lẫn với âm tiếng Việt. – GV chỉ định HS đọc các âm trong bài tập phát âm, luyện phát âm cho các em. Trong phần này GV lưu ý các âm như mén, tòng, tăng và pán.

Tiết	Nội dung	Hình thức
3	Âm đầu g, k, h	– GV giới thiệu g, k, h là nhóm âm ở cuống họng, trong đó g là âm ko bật hơi, k là âm bật hơi. GV có thể sử dụng tờ giấy mỏng đặt trước mặt khi phát âm để HS thấy sự khác biệt. Sự khác biệt của h là âm rung, khi phát âm cảm nhận độ rung trong cuống họng. – GV mở file 2/3 cho HS nghe và mô phỏng. – GV đọc mẫu các âm đầu g, k, h. Hướng dẫn HS đọc theo. – Cho HS tự đọc, mời từng em đọc, nghe và chỉnh âm cho từng HS. – GV chỉ định HS đọc các âm trong bài tập phát âm, luyện phát âm cho các em. Ở bài tập phát âm này, GV lưu ý âm bật hơi k như kăi, kàn,...
4	Vần ghép iɑ, ie, iɑo, iou (iu)	– GV mở file 2/4 để HS nghe và đọc theo các vần ghép **iɑ**, **ie**, **iɑo**, **iou** (iu). – Trên PPT hoặc trên bảng, GV in đậm (in to/màu) nguyên âm chính trong vần đó: iɑ, ie, iɑo, iou (iu). – Ngoài ra, GV cũng nói rõ quy tắc phiên âm của vần iou: (1) Nếu như iou tự tạo thành âm tiết thì i chuyển thành y, ví dụ: yóu, yǒu; (2) Nếu như viết trong âm tiết thì bỏ o đi, chỉ giữ lại iu, ví dụ: niú, liù, diū... – GV chỉ định HS đọc các âm trong bài tập phát âm, luyện phát âm cho các em. Chú ý các âm tiết kết hợp với vần iɑo và iou. – **Lưu ý:** *Vần ghép iou khi kết hợp với âm đầu thì bỏ o đi, ví dụ: niú, liù. Khi một mình tạo thành âm tiết thì i chuyển thành y, ví dụ: yòu, yǒu.*
5+6	Âm đầu j, q, x	– GV mở file 2/5 cho HS nghe và mô phỏng. – GV giới thiệu j, q, x là nhóm âm mặt lưỡi, khi phát âm hơi đi qua khe tiếp xúc giữa mặt lưỡi và ngạc trên. – J là âm ko bật hơi, q là âm bật hơi. GV có thể sử dụng tờ giấy mỏng đặt trước mặt khi phát âm để HS thấy sự khác biệt. – GV đọc mẫu các âm đầu j, q, x. Hướng dẫn HS đọc theo. – Cho HS tự đọc, mời từng em đọc, nghe và chỉnh âm cho từng HS. Chú ý âm qiú (vừa bật hơi, vừa kết hợp vần iou) – Bài tập GV chỉ định HS đọc các âm trong bài tập phát âm, luyện phát âm cho các em.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		Lưu ý: *Am đầu j, q, x kết hợp với nhóm vần bắt đầu bằng i như ia, ie, iao và iou (iu). Ví dụ: jiǔ, qiú, xiǎo, qián v.v...*
7+8	Luyện tập tổng hợp	– Phần luyện tập tổng hợp luyện tập nghe/phát âm các âm đầu g, k, h và j, q, x; Các vần ghép ai, ei, ao, ou, ia, ie, iao, iou (iu); vần âm mũi an, en, ang, eng, ong. Bài 1. Em hãy đọc các âm dưới đây. – Cách 1: GV đọc dẫn các âm trong bài. HS luyện đọc theo; – Cách 2: GV chỉ định HS đứng lên đọc bài, chỉnh sửa âm (nếu có), sau đó dẫn đọc luyện cho cả lớp. Đặc biệt chú ý các âm HS dễ phát âm sai như âm bật hơi (kè, kāi, qǐ, qià). Bài 2. Em hãy nghe và chọn các âm nghe được. – GV mở file 2/6 cho HS nghe. HS nghe và chọn các âm mà em nghe được. Sau khi nghe xong, GV chỉ định vài HS đọc lại các âm mà em vừa chọn. Đáp án: 1. kāi 2. xīn 3. hǎo 4. qǐng 5. qiú 6. jiè – GV có thể mở rộng bài học bằng cách tìm các bài hát, website luyện phát âm cho HS luyện đi luyện lại nhiều lần các âm các em đã học trong bài.

4.3. Củng cố bài đã học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài đã học	– GV mời một số HS đứng lên nhắc lại các vần, âm đầu đã học trong bài. – GV có thể kiểm tra lại mức độ nắm vững phát âm của HS bằng cách đọc chính tả cho các em viết các vần, âm đầu. Sau khi viết xong mời các em cùng phát âm âm đó.
2	Gợi ý tự học cho HS	– Nghe lại file nghe để ôn lại cách phát âm các âm đã học. – Hướng dẫn HS làm bài tập trong sách bài tập hoặc luyện đọc theo các phần mềm phát âm online.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

– Kĩ năng nghe được kết hợp cùng kĩ năng viết trong các phần bài luyện nghe viết âm đầu, vần hoặc thanh điệu.

– Kĩ năng nghe và nói được kết hợp cùng phần đọc phiên âm, chơi trò chơi để rèn luyện phản xạ cho HS.

5.2 Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để ôn luyện lại phần đã học. Trong bài học này, HS chia nhóm để cùng chơi trò đoán âm đầu, vần và thanh điệu đã học.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.3 Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.4 Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Bố trí một số bài tập nghe phiên âm và nói/phát âm để HS luyện theo.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第三课：我们学发音（3）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 3, HS có thể phát âm và nhận biết được các vần đôi, vần âm mũi, âm đầu trong bài.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Các vần ghép ua, uo, uai, uei (ui).

– Các vần âm mũi ian, in, iang, ing, iong, uan, uen (un), uang, ueng.

– Các âm đầu zh, ch, sh, r.

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe và phân biệt được các âm đầu, vần ghép và vần âm mũi.

– Phát âm đúng các âm đầu, vần ghép và vần âm mũi.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu, một tờ giấy mỏng.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Giấy A4 màu sắc (3 – 4 màu) .

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp	GV ổn định lớp, kiểm tra sĩ số, phân lớp thành 3 – 4 nhóm (mỗi nhóm 8-10 HS) để chuẩn bị chơi trò chơi khởi động trước khi vào bài mới.

STT	Nội dung	Hình thức
2	Chơi trò chơi ngắn để dẫn dắt vào bài học	Mục đích chơi trò chơi: Ôn tập lại nội dung đã học. Cách chơi: – GV chia lớp thành 3 – 4 nhóm (mỗi nhóm 8 – 10 HS). Các nhóm xếp hàng thẳng, mỗi nhóm cách nhau một sải tay. – GV phát tờ giấy màu (có chứa 10 âm tiết) cho bạn đứng đầu mỗi nhóm (lưu ý mỗi nhóm có giấy khác màu nhau). Bạn đứng đầu sẽ đọc truyền cho bạn thứ 2, bạn thứ 2 đọc truyền cho bạn thứ 3.... Bạn cuối cùng sau khi nghe được âm tiết từ người phía trước thì lên bảng viết âm tiết mà mình vừa nghe được. Sau đó bạn đứng đầu mới đọc tiếp âm tiết thứ 2 cho người đằng sau mình. Cứ lần lượt như vậy cho đến khi viết xong 10 âm tiết. – GV kiểm tra âm tiết HS cuối cùng viết lên bảng xem đã phù hợp với âm gốc chưa. Khen ngợi nhóm có tỉ lệ viết đúng nhất, động viên các nhóm đúng ít hơn.
3	Giới thiệu đơn giản về nội dung sẽ học trong bài 3	– Các vần ian, in, iang, ing, iong, ua, uo, uai, uei (ui), uan, uen (un), uang, ueng. – Các âm đầu zh, ch, sh, r.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Vần âm mũi ian, in, iang, ing, iong	– GV mở file 3/1 để HS nghe và đọc theo các vần âm mũi ian, in, iang, ing, iong. – Trên PPT hoặc trên bảng, GV in đậm (in to/màu) nguyên âm chính trong vần đó: ian, in, iang, ing, iong. – Mời một số HS đứng lên đọc, GV chỉnh sửa âm cho các em (nếu có). – GV kết hợp cho HS luyện phát âm bảng từ phía dưới bài học. Khuyến khích HS chủ động đứng lên đọc từ. – **Lưu ý:** *+ Nếu in, ing tự tạo thành âm tiết thì thêm y vào phía trước, ví dụ: yín, yīng...* *+ Nếu ian, iang, iong tự tạo thành âm tiết thì i chuyển thành y, ví dụ: yǎn, yáng, yòng...*
2	ua, uo, uai, uei Thanh nhẹ	– GV cho HS đọc lại vần ian, in, iang, ing, iong, đặc biệt chú ý vần HS Việt Nam dễ đọc sai như ian, ing và iong. – GV mở file 3/2 cho HS nghe và mô phỏng cách đọc 4 vần ghép ua, uo, uai, uei (ui).

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV đọc mẫu, chú ý đọc to, rõ ràng. Hướng dẫn HS đọc theo. – Cho HS tự đọc từng âm, mời từng em đọc, nghe và chỉnh âm cho từng HS. – Sau đó, GV kết hợp cho HS làm bài tập phát âm để luyện đọc các vần uɑ, uo, uɑi và uei. – Bài tập: GV dẫn đọc, luyện đọc cho cả lớp, chú ý phát âm huí. **Lưu ý:** *GV lưu ý cách viết phiên âm của các vận uɑ, uo, uɑi và uei như sau:* *+ Nếu các âm này tự tạo thành âm tiết thì* u *chuyển thành* w*, ví dụ: uɑ → wɑ, uo → wo, uɑi → wɑi, uei → wei;* *+ Khi uei kết hợp với âm đầu tạo thành âm tiết thì bỏ e ở giữa viết thành -ui, ví dụ: hui, tui, dui…*
3+4	Âm đầu zh, ch, sh, r	– GV đọc mẫu các âm đầu zh, ch, sh, r. Có thể giới thiệu vị trí phát âm của zh, ch, sh, r là lưỡi uốn cong tiếp xúc với hàm ếch. GV cần nhấn mạnh khi zh, ch, sh, r kết hợp với i thì đọc thành /ɿ/. – Lưu ý sự khác biệt của zh, ch về bật hơi và không bật hơi, có thể sử dụng tờ giấy mỏng đặt trước mặt khi phát âm để HS thấy sự khác biệt. Hướng dẫn HS đọc theo. – Cho HS tự đọc, mời từng em đọc, nghe và chỉnh âm cho từng HS. – GV cho HS đọc bảng từ trong bài tập. Sau khi đọc xong GV có thể mời HS bất kì lên bảng nghe-viết các từ trong bài tập đó.
5	Vần âm mũi uɑn, uen (un)	– GV mở file 3/4 để HS nghe và đọc theo các vần âm mũi uɑn, uen (un). – Trên PPT hoặc trên bảng, GV in đậm (in to/màu) nguyên âm chính trong vần đó: uan, uen. GV lưu ý quy tắc phiên âm uan và uen như sau: *+ Nếu uan và uen tự tạo thành âm tiết thì u sẽ chuyển thành w, cụ thể: uɑn → wɑn, uen → wen.* *+ Khi uen đứng sau âm đầu thì bỏ e đi viết thành -un, ví dụ: hūn, chūn, tún...*

Tiết	Nội dung	Hình thức
6	Vần âm mũi uɑng, ueng	– Mời một số HS đứng lên đọc, GV chỉnh sửa âm cho các em (nếu có). – GV kết hợp cho HS luyện phát âm bảng từ trong sách HS. – GV mở file 3/5 để HS nghe và đọc theo các vần âm mũi uɑng, ueng. – Trên PPT hoặc trên bảng, GV in đậm (in to/màu) nguyên âm chính trong vần đó: u**ɑ**ng, u**e**ng. – Mời một số HS đứng lên đọc, GV chỉnh sửa âm cho các em (nếu có). **Lưu ý:** *ueng không kết hợp với các âm đầu khác mà tự tạo thành âm tiết weng (trong đó u chuyển viết thành w), ví dụ: wēng, wèng.* – GV kết hợp cho HS luyện phát âm bảng từ phía sau.
7+8	Luyện tập	– Luyện tập vần (iɑn, in, iɑng, ing, iong, uɑ, uo, uɑi, uei (ui), uɑn, uen (un), uɑng, ueng), âm đầu zh, ch, sh, r và thanh nhẹ được học trong bài. Bài 1. Em hãy nghe và đọc theo các âm dưới đây. – GV mở file 3/6, cho HS nghe và đọc theo. GV luyện đọc cho HS. Bài 2. Chúng mình cùng chơi giải ô chữ. – GV mở file 3/7 để HS cùng làm bài Giải ô chữ. HS nghe và điền ô chữ vào đó. Các ô chữ cần điền sẽ là: 1. chuáng 2. zhǐ 3. hǎi 4. wǎng 5. dào Ô chữ bí mật là "nǐ hǎo".

4.3. Củng cố bài đã học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài đã học	– GV mời một số HS đứng lên nhắc lại các vần ghép, vần âm mũi, thanh điệu và âm đầu đã học trong bài. Trong đó lưu ý chọn nhiều âm tiết có âm bật hơi (ch). – GV có thể kiểm tra lại mức độ nắm vững phát âm của HS bằng cách đọc chính tả cho các em viết âm tiết (ôn luyện âm đầu, vần, thanh điệu). Sau khi viết xong mời các em cùng phát âm âm đó.

STT	Nội dung	Hình thức
2	Gợi ý tự học cho HS	– Nghe lại file nghe để ôn lại cách phát âm đã học – Hướng dẫn HS làm bài tập trong sách bài tập hoặc luyện đọc theo các phần mềm phát âm online.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

– Kĩ năng nghe được kết hợp cùng kĩ năng viết trong các phần bài luyện nghe viết âm đầu, vần hoặc thanh điệu.

– Kĩ năng nghe và nói được kết hợp cùng phần đọc phiên âm, chơi trò chơi để rèn luyện phản xạ cho HS.

5.2 Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để ôn luyện lại phần đã học. Trong bài học này, HS cùng tạo nhóm và chơi trò chơi truyền âm. Hình thức này vừa rèn luyện kĩ năng phát âm, nghe cho HS, đồng thời cũng khiến không khí lớp học sôi động hơn, kích thích HS chủ động tham gia vào các hoạt động trong lớp.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.3 Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.4 Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Bố trí một số bài tập nghe phiên âm và nói/phát âm để HS luyện theo.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第四课：我们学发音（4）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 4, HS có thể phát âm và nhận biết được các vần đôi, vần âm mũi, âm đầu, thanh nhẹ và biến điệu thanh 3 trong bài.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Nguyên âm ü, vần ghép üe, vần âm mũi ün, üan, vần uốn lưỡi er.

– Các âm đầu z, c, r.

– Phát âm thanh nhẹ.

– Biến điệu thanh 3.

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe và phân biệt được các âm đầu, vần ghép và vần âm mũi.

– Phát âm đúng các âm đầu, vần ghép và vần âm mũi.

– Phát âm đúng độ cao, độ dài của thanh nhẹ.

– Nhận biết và phát âm đúng biến điệu thanh 3.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu, một tờ giấy mỏng.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức nêu ra dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp	Sau khi ổn định lớp, GV tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi tập thể (không chia nhóm)

STT	Nội dung	Hình thức
2	Chơi trò chơi ngắn để dẫn dắt vào bài học	Mục đích chơi trò chơi: Ôn tập lại nội dung đã học. Cách chơi: – GV sẽ đọc một âm tiết (sử dụng âm đầu, vần trong bài 3), trong phiên âm có mấy chữ cái thì sẽ ghép nhanh nhóm có số thành viên bằng đúng chữ cái đó. Ví dụ zhuān (5 chữ cái), ghép nhóm có 5 thành viên, huí (3 chữ cái) thì ghép thành nhóm có 3 thành viên.... Cứ thế tiếp tục cho đến khi kết thúc. – HS không ghép nhóm được, hoặc nhóm không đủ thành viên thì sẽ phải xếp hàng lên phía trên biểu diễn 1 tiết mục (cá nhân hoặc nhóm) thì mới được quay lại chỗ ngồi của mình.
3	Giới thiệu đơn giản về nội dung sẽ học trong bài 3	– Các vần ü, üe, vần âm mũi ün, üan, vần uốn lưỡi er. – Các âm đầu z, c, s. – Thanh nhẹ. – Biến điệu thanh 3.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Nguyên âm ü và vần âm mũi ün	– Trước khi vào bài học, GV lưu ý HS một số kiến thức như sau: • *Ü đứng một mình tự tạo thành âm tiết thì phải thêm y vào phía trước và bỏ 2 dấu chấm trên ü đi (yu).* • *Khi ü và vần chứa ü (üe, ün, üan...) chỉ kết hợp với âm đầu j, q, x và n, l. Trong đó khi kết hợp với j, q, x thì bỏ 2 dấu chấm trên đi viết thành ju, qu, xu (lưu ý nhóm âm đầu này không kết hợp với u). Khi kết hợp với n, l thì vẫn giữ nguyên hai dấu chấm phía trên (nü, lü) vì n, l có thể kết hợp cả với ü và u. Vì thế phải giữ nguyên để tránh nhầm lẫn.* – GV mở file 4/1 cho học sinh nghe nguyên âm ü và vần ün. GV đọc mẫu, mời cả lớp cùng đọc, gọi một vài HS đọc, chỉnh âm cho HS nếu cần. Ghép nhóm vần này với các âm đầu j, q, x, n, l. Hướng dẫn cả lớp đọc từng âm. HS tự luyện đọc. Gợi ý luyện tập một số âm tiết như sau: yǔ yú yǔn yún nǚ lǘ jù qū xū jūn qūn xūn

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Mời một số HS đọc to, GV chỉnh âm nếu cần. – GV kết hợp cho HS luyện phát âm phần luyện âm phía dưới trong sách học sinh.
2	Vần ghép üe và vần âm mũi üan	– GV mở file 4/2 cho học sinh nghe vần üe và üan. – GV đọc mẫu, chú ý đọc to, rõ ràng. Hướng dẫn HS đọc theo. – Cho HS tự đọc từng âm, mời từng em đọc, nghe và chỉnh âm cho từng HS. – Sau đó, GV kết hợp cho HS làm bài tập phát âm trong sách học sinh. **Lưu ý:** *(1) Khi "ü" đứng đầu của một âm tiết, thì phía trước thêm y, bỏ hai dấu chấm phía trên.* *üe → yue üan → yuan ün → yun* *(2) Khi "ü" kết hợp với j, q, x, bỏ hai dấu chấm phía trên.* *j + ü = jù j + üe = jué j + üan = juǎn* *q + ü = qù q + üe = què q + üan = qún* *(3) Khi "ü" kết hợp với n, l, thì hai dấu chấm phía trên vẫn giữ nguyên n + ü = nǔ, l + ü = lǔ, n + üe = nüè, l + üe = lüè*
3+4	Âm đầu z, c, s	– GV mở file 4/3 cho HS nghe và mô phỏng. – GV đọc mẫu các âm đầu: z, c, s. GV giới thiệu vị trí phát âm của z, c, s là đầu lưỡi đặt ngay phía sau răng cửa. Khi phát âm z, c đầu lưỡi chạm vào giữa răng cửa hàm dưới và hàm trên rồi rụt lại, phát âm s tương tự như /s/ (sea, sun) trong tiếng Anh. Có thể bắt đầu từ s để HS cảm nhận vị trí phát âm của nhóm này, sau đó mới chuyển sang luyện z và c. – Lưu ý sự khác biệt của z, c về bật hơi và không bật hơi, có thể sử dụng tờ giấy mỏng đặt trước mặt khi phát âm để HS thấy sự khác biệt. – Lưu ý: *Trong tiếng Hán hiện đại, nguyên âm i không xuất hiện sau z, c, s. Vì vậy, khi z, c, s kết hợp với i thì đọc thành /ɿ/. Ví dụ: zī, cí, sǐ.* – Hướng dẫn HS đọc theo. Cho HS tự đọc, mời từng em đọc, nghe và chỉnh âm cho từng HS. – GV cho HS đọc bảng từ trong bài tập phía dưới. Sau khi đọc xong GV có thể mời HS bất kì lên bảng nghe-viết các từ trong bài tập đó. GV đặc biệt lưu ý HS khi z, c, s + i.

Tiết	Nội dung	Hình thức
5	Âm cuốn lưỡi er Thanh nhẹ	– GV hướng dẫn cho HS cách đặt lưỡi để phát âm âm cuốn lưỡi er: Đặt lưỡi vào vị trí phát âm của e, sau đó đưa đầu lưỡi từ từ cong lên và phát âm. – GV giải thích cho HS quy tắc viết phiên âm của vần cuốn lưỡi er: *+ Vần cuốn lưỡi er có thể tự tạo thành âm tiết như: ěr, ér...* *+ Vần cuốn lưỡi er đứng sau âm tiết khác thì chỉ viết -r vào phía sau phần vần của âm tiết đó, ví dụ: huār, liáotiānr, nǎr...*
		– Luyện đọc thanh nhẹ. GV chú ý thanh nhẹ đứng sau thanh 3 đọc ở độ cao 4, đứng sau thanh 4 đọc thấp nhất (độ cao 1), đứng sau thanh 2 và 3 đọc ở độ cao trung bình. – GV giải thích thanh nhẹ trong tiếng Trung Quốc đọc ngắn, nhẹ, độ cao không cố định mà ảnh hưởng của âm tiết đứng phía trước nó, trong đó thanh nhẹ đứng sau âm tiết mang thanh 3 có độ cao cao nhất (độ cao 4), thanh nhẹ đứng sau âm tiết mang thanh 4 có độ cao thấp nhất (độ cao 1). Khi đọc thanh nhẹ cần lưu ý kéo dài âm tiết thứ nhất, đọc nhẹ, ngắn âm tiết thứ 2 để có sự so sánh giữa âm tiết nguyên thanh và âm tiết mang thanh nhẹ. + Khi thanh nhẹ đứng sau thanh 1: Đọc thành thanh trung giáng, giống như thanh 4 nhưng thấp hơn và ngắn hơn. + Khi thanh nhẹ đứng sau thanh 2: Đọc thành thanh trung giáng, giống như thanh 4 nhưng thấp hơn và ngắn hơn (tuy nhiên sẽ hơi cao một chút so với thanh nhẹ đứng sau thanh 1). + Khi thanh nhẹ đứng sau thanh 3: Đọc thành 1/2 thanh 1 nhưng hơi đi lên một chút, giống như thanh 1 ngắn. + Khi thanh nhẹ đứng sau thanh 2: Đọc thành thanh giáng, giống như thanh 4 cực ngắn. – Luyện phát âm trong bài tập trang 31. GV đọc dẫn, HS đọc theo. Sau đó GV chỉ định HS phát âm và sửa lỗi cho các em. – Ngoài ra, GV cũng có thể tìm một số âm tiết để luyện thêm cho các em như: èrbǎi, èrshí, ěrjī.
6	Biến điệu thanh 3	– GV mở file 4/6 cho học sinh nghe biến điệu thanh 3. – Giới thiệu quy tắc biến âm khi hai thanh 3 đi cạnh nhau thì âm tiết phía trước đọc thành thanh 2. Hướng dẫn HS đọc một số từ như: nǐ hǎo, kě yǐ, měihǎo, gěi nǐ.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Trong phần học biến điệu thanh 3, GV dạy luôn cách dùng "Nǐ hǎo" khi chào hỏi nhau: Khi hai bạn bằng tuổi gặp nhau thì có thể sử dụng cụm từ này để chào nhau. Bạn đối diện cũng nói "Nǐ hǎo" để chào lại bạn. – GV dẫn đọc phần phát âm sau bài học. Sau đó chỉ định HS đọc và sửa âm.
7+8	Luyện tập	– Luyện tập nguyên âm ü và các vần được kết hợp với nó như üe, üan, ün và âm uốn lưỡi er. Luyện tập nhóm âm z, c, s và biến điệu thanh 3. Các nội dung luyện tập này đã được thể hiện cụ thể trong phần Chúng mình cùng luyện tập. Bài 1. Em hãy nghe và chọn âm nghe được. – Phần 1 chọn âm đầu, phần 2 chọn vần. GV bật file 4/7 cho HS nghe và chọn âm. Đáp án: (1) zhuang cui po (2) chen hui qie juan – Sau khi làm xong bài tập, GV khuyến khích HS đọc to âm để cùng luyện. Bài 2. Chúng mình cùng hát nhé. – GV và HS cùng hát bài hát trang 33 SHS. – GV cũng có thể thêm các bài tập mở rộng khác như chơi trò chơi viết phiên âm, truyền âm cho nhau… để khuyến khích HS phát âm tiếng Trung Quốc nhiều hơn trong lớp học.

4.3. Củng cố bài đã học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài đã học	– GV mời một số HS đứng lên nhắc lại các vần, âm đầu đã học trong bài. Trong đó lưu ý chọn nhiều âm tiết có biến điệu thanh 3, thanh nhẹ, vần cuốn lưỡi và nhóm âm kết hợp với nguyên âm ü, âm đầu z, c, s. – GV đọc lại các âm có vần cuốn lưỡi, thanh nhẹ, biến điệu thanh 3 trong bài. – GV có thể kiểm tra lại mức độ nắm vững phát âm của HS bằng cách đọc chính tả cho các em viết âm tiết (ôn luyện âm đầu, vần, thanh điệu). Sau khi viết xong mời các em cùng phát âm âm đó.
2	Gợi ý tự học cho HS	– Nghe lại file nghe để ôn lại cách phát âm các âm đã học – Làm bài tập mở rộng phần luyện tập phát âm.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

– Kĩ năng nghe được kết hợp cùng kĩ năng viết trong các phần bài luyện nghe viết âm đầu, vần hoặc thanh điệu.

– Kĩ năng nghe và nói được kết hợp cùng phần đọc phiên âm, chơi trò chơi để rèn luyện phản xạ cho HS.

5.2 Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để ôn luyện lại phần đã học.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.3 Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời bố trí các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.4 Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Bố trí một số bài tập nghe phiên âm và nói/phát âm để HS luyện theo. Trong đó cần chú ý phát âm của vần *ü, üe, ün, üan*. Các *âm đầu z, c, s* cũng cần được luyện tập nhiều hơn nữa.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第五课：老师，您好

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 5, học sinh có thể (1) Phát âm đúng những từ, cụm từ có âm đầu là b, p, m, f; d, t, n, l; g, k, h; (2) Biết cách chào hỏi; (3) Biết cách giới thiệu về người và đồ vật quanh mình.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Ngữ âm: Ôn tập phát âm từ, cụm từ có âm đầu là b, p, m, f; d, t, n, l; g, k, h
ôn tập phát âm hai thanh 3 đi liền với nhau, ôn tập phát âm thanh nhẹ.

– Từ vựng: 老师，你，您，好，吗，我，很，谢谢
这，是，本子，那，不

– Cấu trúc: cách hỏi thăm sức khoẻ 你//好吗? và cách hỏi 这是.....吗?

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu chào hỏi; Nghe và trả lời được câu hỏi về người và đồ vật quanh mình.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 一，二，三，十，八.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách chào hỏi của người Trung Quốc, biết cách hỏi và trả lời về người, đồ vật quanh mình.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	Trò chơi "Ai nói nhanh hơn" – GV chia lớp thành 2 - 4 đội, trình chiếu PPT 10 phiên âm đã học trong những bài trước, đội nào biết sẽ giơ bảng lên xin quyền đọc, đọc đúng được tính 1 điểm, đội nào được nhiều điểm nhất sẽ thắng cuộc. GV tổng kết điểm và khen thưởng đội thắng. Gợi ý: kāi hēi gǒu guǎn wēng dùn tóufa piàoliang měihǎo

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Ôn tập ngữ âm	Em hãy nghe và đọc các âm dưới đây. (1) – GV mở file nghe cho HS nghe và luyện đọc đồng thanh tại chỗ từ 2 – 3 lần. – GV cho HS nghe và đọc theo nhóm (3 – 4 bạn/nhóm), mỗi nhóm đọc 4 từ/cụm từ. Lưu ý độ cao của thanh điệu và âm đầu b, p, m, f; d, t, n, l; g, k, h trong từ. – GV cho HS nghe và đọc cá nhân (5 – 6 HS/cả lớp). Em hãy nghe và đọc các âm dưới đây. (2) – GV cho HS luyện đồng thanh, theo nhóm và cá nhân như bài 1. – Lưu ý phần kết hợp hai thanh 3 và cách đọc thanh nhẹ.
2	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 36, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 老师, 你, 您, 好, 吗, 我, 很, 谢谢. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cách hỏi thăm sức khoẻ 你//好吗? – GV cho 5 – 6 HS bốc thăm tên và hỏi thăm sức khoẻ bạn được bốc thăm bằng cách ghép tên + 好吗? Ví dụ: 陈南好吗? Và trả lời là 他很好.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV yêu cầu hai bạn HS ngồi cạnh nhau hỏi thăm sức khoẻ của nhau. – GV HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án ô chữ: 1. 你好吗? 2. 老师好吗?
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Nếu còn thời gian có thể thiết kế thêm bài tập để luyện chào hỏi và hỏi thăm sức khoẻ giữa các bạn HS. Trong phần này GV giới thiệu cách chào khi gặp thầy cô giáo, có thể chào 老师好. Các thầy cô chào các em HS bằng cách 你们好 (có thể giới thiệu nghĩa của từ 你们). – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + Ở hội thoại 1, GV nhắc lại cách chào hỏi của thầy cô với HS và cách HS chào hỏi thầy cô. + Ở hội thoại 2, GV nhắc lại cách hỏi thăm sức khoẻ người khác: ...../好吗? Và cách trả lời ...../很好。谢谢! + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp. Nếu còn thời gian cho HS chào và hỏi thăm sức khoẻ của nhau hoặc của một bạn khác.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 40, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 这, 是, 本子, 那, 不. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. Đặc biệt lưu ý cách sử dụng của đại từ chỉ thị 这, 那, cách sử dụng hình thức phủ định 不 + động từ 是. – GV có thể cho chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội hoặc chơi cá nhân).

Tiết	Nội dung	Hình thức
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu về cách "Đây là ….phải không?": 这是…吗? GV hướng dẫn cách hỏi đồ vật ở gần và ở xa, hướng dẫn cách trả lời các câu hỏi đó. – GV cầm và giơ lên một số đồ vật và hỏi HS hỏi với cấu trúc 这是/那是....吗? GV chỉ tay vào một số bạn trong lớp hỏi 这是/那是....吗. – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về đồ vật mình có và hỏi về các bạn xung quanh. – GV hướng dẫn cách đọc biến điệu của âm *bù* (不). – *Bù* + thanh 1, 2, 3 giữ nguyên; *bù* + thanh 4 thì đọc là bú. – GV cho HS luyện đọc phần biến điệu của bù.
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – GV lưu ý luyện đọc biến điệu âm *bù* trong câu: ví dụ *bú shì běnzi*; và lưu ý ngữ điệu đọc kết nối giữa các từ trong câu. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV giới thiệu chữ Hán được cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ chữ. GV giới thiệu và hướng dẫn cách viết 5 nét cơ bản: chấm, ngang, sổ, phẩy, mác. – GV viết mẫu các nét, HS viết theo vào vở. – GV giới thiệu quy tắc viết chữ Hán trong bài gồm: trên trước dưới sau, ngang trước sổ sau, trái trước phải sau. GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.

Tiết	Nội dung	Hình thức
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – Chia nhóm HS 3 – 5 em/ nhóm căn cứ vào chữ viết đã được luyện để phán đoán quy tắc viết của các chữ Hán 二, 十, 八.
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy đọc và chọn tranh phù hợp. – Chia nhóm HS đọc và đoán nghĩa, các nhóm viết đáp án ra bảng, thi xem nhóm nào làm đúng và nhanh nhất. – Đáp án: 1b, 2a, 3c. – GV cho luyện thêm các câu 那是本子/这是本子; 很好/不好; 这是老师/那是老师. Bài2. Em hãy nói theo tranh. – Chia nhóm 3 bạn luyện nói lần lượt với 3 bức tranh. GV gọi 2 – 3 nhóm lên nói và nhận xét. – GV có thể thiết kế thêm bài nói theo tranh trên thực tế lớp học.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các con số đã tập viết. – HS viết các cấu trúc đã học vào vở ghi. – GV nhắc lại cách hỏi đáp về người và đồ vật xung quanh.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ chào hỏi, hỏi thăm sức khoẻ lẫn nhau, bố mẹ của nhau, hỏi về các đồ vật trong lớp học. – Tự nghe lại file âm thanh từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học. – Học hát bài hát 你好, 你好吗 trên mạng internet.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Cách chào 你好 và cách chào lại 你好, cách hỏi thăm sức khoẻ 你//好吗? Hay cách nói 这是..... rất gần gũi với cách nói của tiếng Việt, chỉ cần giải thích đơn giản, yêu cầu HS mô phỏng theo các cách nói đó.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

- Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi "Ai nói nhanh hơn" tạo hứng thú cho giờ học.
- GV có thể kết hợp sử dụng bài hát 你好 hoặc 你好吗 để luyện thêm cho HS (có thể tìm tư liệu trên internet).
- GV có thể gửi link bài hát liên quan đến nội dung bài học để các em nghe và học hát tại nhà.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5 Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

- Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.
- Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

第六课：这是我朋友

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 6, học sinh có thể (1) Phát âm đúng từ, cụm từ có âm đầu là j, q, x; (2) Biết cách nói về sự sở hữu (của ai).

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Ngữ âm: Ôn tập biến điệu của **bù**, ôn tập phát âm từ, cụm từ có âm đầu là j, q, x

– Từ vựng: 她，谁，朋友，爸爸，妈妈，他，你们
的，书，我们，她们，书包，笔，橡皮

– Cấu trúc: Biểu thị sở hữu không có chữ 的 (他朋友) và có chữ 的 (他的书)

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và có thể trả lời câu hỏi "….là ai?" "Đây là… phải không?"

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 日，月，人，四，五.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, HS biết sử dụng cách nói sở hữu (của ai) trong giao tiếp.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– Hát theo nhạc. – GV mở nhạc bài hát 你好 và 你好吗, cả lớp hát theo nhạc. – Sau khi hát theo nhạc cô giáo hỏi thăm sức khoẻ cả lớp.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Ôn tập ngữ âm	Em hãy nghe và đọc các âm dưới đây. (file nghe 6/1) – GV mở file nghe cho HS nghe và luyện đọc đồng thanh tại chỗ từ 2 – 3 lần. – Lưu ý một số âm đầu khó như j, q, x kết hợp với vần khó. – GV cho HS nghe và đọc theo nhóm (3 – 4 bạn/nhóm), mỗi nhóm đọc 4 từ/cụm từ biến điệu của bù và các từ có âm đầu là j, q, x. – GV cho HS nghe và đọc cá nhân (5 – 6 HS/ cả lớp). – GV lưu ý HS khi kết hợp thanh điệu giữa hai âm. – Lưu ý một số âm đầu khó như j, q, x kết hợp với vần khó un, ian, uang.
2	Trò chơi đoán chữ Hán	GV chia lớp thành 2 đội, trình chiếu PPT từ đã học trang 40, bài 5, HS đội nào giơ tay nhanh và đọc đúng âm của chữ Hán trên màn chiếu, mỗi lần đọc đúng được ghi 1 điểm. Tổng kết điểm và khen thưởng đội thắng. 本子，这，那，不，是，您
	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 48, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 谁，他们，他，她，朋友，爸爸，妈妈. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. GV lưu ý cách sử dụng của từ 谁, vừa có thể làm chủ ngữ, vừa có thể làm vị ngữ. Ví dụ: 陈南是谁, 谁是陈南. – Chơi trò chơi ghép hình trên PPT với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội hoặc chơi cá nhân).

<table>
<tr><th>Tiết</th><th>Nội dung</th><th>Hình thức</th></tr>
<tr><td></td><td>Dạy – học cấu trúc (phần 1)</td><td>– GV giới thiệu về cấu trúc sở hữu 我 + 朋友.
– HS chia nhóm và ghép các từ và cụm từ cho sẵn (cả chữ Hán và phiên âm) theo cấu trúc trên và đọc to những cụm từ ghép được, nhóm làm nhanh nhất sẽ được khen thưởng.
她 + 老师 → 他老师
我 + 爸爸 → 我爸爸
她 + 妈妈 → 她妈妈
– HS luyện cấu trúc trên với dạng bài tập Em hãy sắp xếp các ô chữ sau theo trật từ đúng.</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)</td><td>– GV cho HS nghe phần Em hãy nghe và nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại, mỗi trang PPT là 1 câu, để cỡ chữ to và cài file nghe để khi kiểm tra bất kì HS nào đều có thể nghe lại câu đó.
– GV nhấn mạnh cách giới thiệu người nào đó bằng cấu trúc 他是.....
– Nếu còn thời gian có thể thiết kế thêm bài tập để luyện:
<table><tr><td>1 🎧</td><td>他老师</td><td>☒</td></tr><tr><td>2 🎧</td><td>我朋友</td><td>☑</td></tr></table>– Ở 2 đoạn hội thoại ngắn:
+ GV cho HS nghe file nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân).
+ GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm.
+ GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận.
– Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm luyện tập đóng vai theo hội thoại. GV gọi 2 – 3 nhóm lên đóng vai, GV sửa và nhận xét.</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Trò chơi đoán chữ Hán</td><td>GV có thể chia lớp thành 2 đội, trình chiếu PPT từ đã học ở bài 6, trang 48 HS đội nào giơ tay nhanh và đọc đúng âm của chữ Hán trên màn chiếu, mỗi lần đọc đúng được ghi 1 điểm. Tổng kết điểm và khen thưởng đội thắng.
谁，他们，他，她，朋友，爸爸，妈妈.</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>Tiết</th><th>Nội dung</th><th>Hình thức</th></tr>
<tr><td></td><td>Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)</td><td>– Chiếu PPT màn hình phần từ mới trang 52, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ 书包，的，笔，书，橡皮，我们.
– Các trang PPT tiếp theo lần lượt là các từ mới và phiên âm (mỗi từ 1 trang PPT), hình thức nghe và nhắc lại từng từ: 书包，的，笔，书，橡皮, 我们.
– Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên, tạo trang PPT với các hình vẽ tương đương với các từ trên hoặc cho sẵn từ với hình vẽ, yêu cầu HS học phương án đúng sai.</td></tr>
<tr><td></td><td>Dạy – học cấu trúc (phần 2)</td><td>– PPT giới thiệu về cấu tạo cụm từ sở hữu (của ai):
他 + 的 + 书
– HS chia nhóm và ghép các từ và cụm từ cho sẵn (cả chữ Hán và phiên âm) theo cấu trúc trên và đọc to những cụm từ ghép được, nhóm làm nhanh nhất sẽ được khen thưởng.
你+ 的+ 书 → 你的书
我 + 的+ 橡皮 → 我的橡皮
他们 + 的 + 书包 → 他们的书包
她 + 的+ 笔 → 她的笔
– HS luyện cấu trúc trên với dạng bài tập Em hãy ghép các đồ vật dưới đây với chủ nhân của nó.</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)</td><td>Nghe và nhắc lại
– GV cho HS nghe Em hãy nghe và nhắc lại, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại, mỗi trang PPT là 1 câu, để cỡ chữ to và cài file nghe để khi kiểm tra bất kì HS nào đều có thể nghe lại câu đó.
– Nếu còn thời gian có thể thiết kế thêm bài tập để luyện:
<table>
<tr><td>1 🎧</td><td>他们的书</td><td>☒</td></tr>
<tr><td>2 🎧</td><td>陈南的橡皮</td><td>☑</td></tr>
</table>
Nghe và đọc theo
– Ở 2 đoạn hội thoại ngắn:
+ GV cho HS nghe file âm thanh 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân).
+ GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm.
+ GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận.
– Sau mỗi hội thoại, HS chia nhóm đóng vai nhân vật, GV gọi 1 – 3 nhóm còn lại đóng vai, có thể nhìn lời thoại nhưng chỉ để chữ Hán, bỏ phiên âm.</td></tr>
</table>

Tiết	Nội dung	Hình thức
6	Dạy – học nét, quy tắc viết	– GV giới thiệu chữ Hán được cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ chữ. GV giới thiệu và hướng dẫn cách viết 4 nét cơ bản: phẩy gập, ngang gập, ngang phẩy, ngang gập móc. – GV viết mẫu các nét, HS viết theo vào vở. – GV giới thiệu 3 quy tắc viết chữ Hán trong bài gồm: ngoài trước trong sau, trong trước đóng cửa sau, phẩy trước mác sau. GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học.
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết một chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – Chia nhóm HS 3 – 5 em/nhóm căn cứ vào chữ viết đã được luyện để phán đoán quy tắc viết của các chữ Hán 人，月，四. – Đáp án: 1b, 2c, 3a.
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – Chia nhóm HS đọc và trả lời câu hỏi theo tranh. 1. 这是书吗？ - 这不是书，这是笔。 2. 她是谁？ - 她是我老师。 3. 这是老师的橡皮吗？ - 这不是老师的橡皮。/ 这是老师的橡皮。 – GV cho luyện thêm các câu 那是本子/这是本子；很好/不好；这是老师/那是老师. Bài 2. Chúng mình cùng hát nhé. – GV mở nhạc bài hát trong file nghe, giai điệu bài hát giống bài *Kìa con bướm vàng* (tiếng Việt) và 两只老虎 (tiếng Trung Quốc), rất quen thuộc với trẻ em các nước. – GV cho HS nghe và nhẩm theo nhạc, sau đó hai bạn ngồi cạnh nhau đọc lời bài hát và hát cho nhau nghe. – GV cho các nhóm thi xem nhóm nào hát hay, hát chuẩn lời và giai điệu hơn, có hình thức khen thưởng.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV kiểm tra một số chữ Hán đã học trong bài (thông qua PPT) để kiểm tra khả năng ghi nhớ bài của HS: có thể phiên âm – hình vẽ; phiên âm – chữ Hán, hình thức nói hoặc nối. – GV yêu cầu HS nói tiếp các cấu trúc sở hữu đã học với mẫu cho sẵn của GV. – GV hỏi đáp về người và đồ vật xung quanh.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS về nhà vẽ tranh các dụng cụ học tập mà mình có. – Tự nghe lại file từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

– Cách nói sở hữu trong tiếng Trung Quốc trái ngược với thứ tự sắp xếp từ ngữ trong tiếng Việt, do đó GV cần đặc biệt nhấn mạnh cho HS điểm khác biệt này.

– Trong tiếng Việt nói Sách + của + tớ, thì trong tiếng Trung Quốc lại nói là 我 + 的 + 书.

– Do vậy trong cách luyện tập với cấu trúc biểu thị sở hữu này, GV cần cho HS luyện tập nhiều lần.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Khi kiểm tra bài cũ, GV cho hát bài hát có nội dung đã học tạo hứng thú cho giờ học.

– GV cho HS vẽ và tô màu các dụng cụ học tập mình có, viết chữ Hán và phiên âm cho các dụng cụ đó.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (vẽ dụng vụ học tập, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第七课：我叫杜国安

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 7, học sinh có thể (1) Phát âm đúng từ/cụm từ có âm đầu là zh, ch, sh, r; z, c, s; (2) Biết cách hỏi họ tên người khác và giới thiệu họ tên mình.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Ngữ âm: Biến điệu của yī, ôn tập những từ/cụm từ có âm đầu là z, c, s, zh, ch, sh, r.

– Từ vựng: 叫，什么，名字，文山，呢，国安，同学，班，宝玉
姓，杜，邓，张，阮，王

– Cấu trúc: Cách hỏi tên họ 叫什么名字 và 姓什么?

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu hỏi về họ tên, giới thiệu được họ tên mình và họ tên người khác.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các nét: hất, sổ móc, sổ móc cong, ngang gập cong móc; hiểu được quy tắc viết và viết được các chữ Hán đơn giản 小，六，七，九，大

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách hỏi đáp về họ tên của mình và người khác. Hiểu được cách nói tên và chức danh 阮老师，黄同学.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– Trò chơi đoán chữ Hán. – GV có thể chia lớp thành 2 – 4 đội, trình chiếu PPT 10 chữ Hán đã học trong bài 5 và 6, HS đoán và đọc to âm của chữ Hán trên màn chiếu, mỗi lần đọc đúng được ghi 1 điểm. Tổng kết điểm và khen thưởng đội thắng. – Từ gợi ý: 一，二，三，十，八，日，月，人，四，五

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Ôn tập ngữ âm	Bài 1. Em hãy nghe và đọc theo các âm dưới đây. – GV cho HS luyện đồng thanh, theo nhóm và cá nhân như bài các từ/cụm từ có âm đầu là zh, ch, sh, c, r. Đây là các âm khó đối với HS Việt Nam. GV luyện kĩ âm zhàopiàn, zàijiàn. – Bài 2. Em hãy nghe và đọc các âm dưới đây, chú ý biến điệu của **yī** (一). – GV giảng phần biến điệu của yī. Khi **yī** kết hợp với âm tiết có thanh điệu 1, 2, 3 thì sẽ đọc thành **yì**, còn khi kết hợp với âm tiết có thanh điệu 4 sẽ đọc thành **yí**. – GV cho HS luyện đọc biến điệu của **yī** theo nội dung bài học. Có thể đảo thứ tự để tăng độ khó, giúp HS nắm bài kĩ hơn.
2	Trò chơi đoán chữ Hán	GV chia lớp thành 3 – 4 đội, trình chiếu PPT 6 từ đã học ở bài 6, HS đội nào giơ tay nhanh và đọc đúng âm của chữ Hán trên màn chiếu, mỗi lần đọc đúng được ghi 1 điểm. Tổng kết điểm và khen thưởng đội thắng. 的，书，我们，他们，书包，笔，橡皮
	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 60, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 叫，什么，名字，文山，呢，国安，同学，班，宝玉. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị cả lớp đọc đồng thanh, nhóm và cá nhân đọc. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc lại từ. – GV giải thích rõ cách viết phiên âm họ tên: Họ sẽ viết hoa chữ đầu, tên (1 âm tiết hay 2 âm tiết) cũng chỉ viết hoa chữ đầu, nếu tên 2 âm tiết thì sẽ viết liền với nhau, âm tiết thứ 2 viết thường. Ví dụ: （张）河芳 (họ Trương), tên là Hà Phương thì sẽ viết phiên âm là (Zhāng) Héfāng, 陈南 (họ Trần) tên Nam thì sẽ viết phiên âm là Chén Nán.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cấu tạo cụm 叫 + 什么名字. – HS chia nhóm hỏi và trả lời tên của nhau theo cấu trúc 叫 + 什么名字. GV lưu ý khi trả lời câu hỏi 叫什么名字 thì câu trả lời có thể chỉ giới thiệu tên, ví dụ: 她叫宝玉, hoặc có thể giới thiệu cả họ và tên, ví dụ: 他叫陈南. – GV giới thiệu cách hỏi những vấn đề tương tự sử dụng 呢, ví dụ 你呢/ 她呢/老师呢. – HS luyện cấu trúc trên với dạng bài tập *Hãy sắp xếp các ô chữ sau theo trật từ đúng*. – Đáp án gợi ý: 1. 我同学叫宝玉。 2. 她叫何芳。
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại, mỗi trang PPT là 1 câu, để cỡ chữ to và cài file nghe để khi kiểm tra bất kì HS nào đều có thể nghe lại câu đó. Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. Yêu cầu đọc đúng phiên âm, ngữ điệu, từng bước nhận biết và biết cách đọc chữ Hán. + Ở hội thoại 2, GV giải thích rõ việc sử dụng 叫 tên có thể chỉ giới thiệu tên như 她叫宝玉. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. + GV củng cố lại cách hỏi tên 你叫什么名字? Cách trả lời 我叫国安; cách sử dụng 呢 khi hỏi các vấn đề tương tự 你呢/ 她呢. – Phần đóng vai các hội thoại, chia nhóm luyện tập đóng vai theo hội thoại. GV gọi 2 – 3 nhóm lên đóng vai, GV sửa và nhận xét.
4	Trò chơi đoán chữ Hán	– GV chia lớp thành 3 – 4 đội, trình chiếu PPT 6 từ đã học ở bài 7, HS đội nào giơ tay nhanh và đọc đúng âm của chữ Hán trên màn chiếu, mỗi lần đọc đúng được ghi 1 điểm. Tổng kết điểm và khen thưởng đội thắng. – Gợi ý: 叫, 什么, 名 字, 文山, 呢, 国安, 同学, 班, 宝玉.

Tiết	Nội dung	Hình thức
	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 64, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 姓，杜，邓，张，阮，王. – GV giảng luyện cho sinh nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu về cấu tạo cụm 姓 + 什么. – HS chia nhóm hỏi và trả lời họ của nhau theo cấu trúc 姓什么. GV lưu ý cách giới thiệu họ trong tiếng Trung Quốc là có thể chỉ giới thiệu họ, ví dụ 他姓杜, hoặc cũng có thể giới thiệu họ rồi giới thiệu cả họ và tên, ví dụ 他姓杜，叫杜国安. – GV yêu cầu HS hỏi đáp liên hoàn với cấu trúc 姓什么 và 呢. – HS luyện cấu trúc trên với dạng bài tập *Em hãy sắp xếp các ô chữ sau theo trật từ đúng*. – Đáp án gợi ý: 1. 你同学姓什么？　　2. 我们的老师姓王。
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	Nghe và nhắc lại – GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại, mỗi trang PPT là một câu, để cỡ chữ to và cài file nghe để khi kiểm tra bất kì HS nào đều có thể nghe lại câu đó. – GV cho HS luyện nói theo cặp các cụm từ, câu trong phần nghe nhắc lại. Lưu ý ngữ điệu câu khi kết nối nhiều âm tiết nhiều thanh điệu khác nhau. Nghe và đọc theo – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + Ở trong 2 hội thoại, GV lưu ý cách giới thiệu họ trong tiếng Trung Quốc là có thể chỉ giới thiệu họ, ví dụ 他姓杜 hoặc 她姓黄, hoặc cũng có thể giới thiệu họ rồi giới thiệu cả họ và tên, ví dụ 他姓杜，叫杜国安; hoặc 她姓黄，叫黄宝玉. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		+ GV củng cố lại cách hỏi họ 她姓什么? Cách trả lời 她姓阮 và cách sử dụng 呢 khi hỏi họ của các bạn khác 你呢/她呢. – Phần đóng vai các hội thoại, gọi 1 – 3 nhóm còn lại đóng vai, có thể nhìn lời thoại nhưng chỉ để chữ Hán, bỏ phiên âm.
6	Dạy – học nét, quy tắc viết và bộ thủ	– GV giới thiệu chữ Hán được cấu tạo bởi các nét chữ, các bộ chữ. GV giới thiệu và hướng dẫn cách viết 4 nét cơ bản: nét hất, sổ móc, sổ cong móc, ngang gập cong móc. – GV viết mẫu các nét, HS viết theo vào vở. – GV giới thiệu quy tắc viết chữ Hán trong bài: giữa trước hai bên sau. GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong một số chữ Hán đã học phía trước để củng cố bài học. – GV có thể chiếu ảnh động của một số chữ Hán có chứa các nét đã học để HS nhận biết như 打, 我, 示... – GV giới thiệu bộ thủ chữ Hán, mỗi bộ thủ lại biểu thị một ý nghĩa riêng. Ví dụ 女 bộ Nữ (liên quan đến con gái, phụ nữ).
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của các chữ Hán 小, 六, 七, 九, 大, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – Chia nhóm HS 3 – 5 em/ nhóm căn cứ vào chữ viết đã được luyện để phán đoán quy tắc viết của các chữ Hán 小, 八, 六.
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – Chia nhóm HS đọc và trả lời câu hỏi theo tranh. 1. 他姓什么? – 他姓王。 2. 你叫什么名字? – 我叫河芳。 3. 你妈妈姓什么? – 我妈妈姓张。 Bài 2. Chúng mình cùng hát nhé. – GV mở nhạc bài hát trong file nghe. – GV cho HS nghe và nhẩm theo nhạc, sau đó hai bạn ngồi cạnh nhau đọc lời bài hát và hát cho nhau nghe. – GV cho các nhóm thi xem nhóm nào hát hay, hát chuẩn lời và giai điệu hơn, có hình thức khen thưởng.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV kiểm tra một số chữ Hán đã học trong bài (thông qua PPT) để kiểm tra khả năng ghi nhớ bài của HS: có thể phiên âm – hình vẽ; phiên âm – chữ Hán, hình thức nói hoặc nối. – GV củng cố cấu trúc 叫什么名字/姓什么.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ học hỏi họ tên của nhau bằng tiếng Trung Quốc. – Tự nghe lại file từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học. – HS nghe và xem các bài hát về hỏi họ tên trên mạng internet.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Cách hỏi tên 你// 叫什么名字 và cách hỏi họ 你// 姓什么 trong tiếng Trung Quốc cũng khá gần gũi với cách hỏi họ tên trong tiếng Việt, GV chỉ cần cho HS luyện giao tiếp giúp HS ghi nhớ cách sử dụng.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi "Ai nói nhanh hơn" tạo hứng thú cho giờ học.
– GV có thể kết hợp sử dụng bài hát 你叫什么名字 để luyện thêm cho HS (có thể tìm tư liệu trên internet).
– GV có thể gửi link bài hát liên quan đến nội dung bài học để các em nghe và học hát tại nhà.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.
– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第八课：复习（1）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 8, học sinh có thể (1) Phát âm đúng và có ngữ điệu các câu giao tiếp ngắn; (2) Sử dụng thành thục các cấu trúc chào hỏi 你好, hỏi thăm sức khoẻ 你//好吗，这是...，这是...吗，他是谁，你//叫什么名字，他//姓什么.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Ngữ âm: Luyện phát âm từ, cụm từ, câu ngắn

– Từ vựng: Ôn tập lại các từ vựng trong chủ điểm.

– Cấu trúc: Ôn tập các cấu trúc 你好; 你//好吗; 这是/ 这是...吗; 你//叫什么名字; 他//姓什么.

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu các câu chào hỏi, biết nói chào lại, hỏi thăm sức khoẻ, giới thiệu đồ vật và người xung quanh mình, hỏi họ và tên của người khác, giới thiệu được họ và tên mình.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán được yêu cầu.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách chào hỏi của người Trung Quốc, biết cách giới thiệu về người, đồ vật quanh mình.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– Hát theo nhạc – GV mở nhạc bài hát 你叫什么名字, cả lớp hát theo nhạc. – Sau khi hát theo nhạc HS hỏi họ và tên của nhau.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1+2+3	Ôn tập ngữ âm	Bài 1. Em hãy nghe và chọn âm nghe được. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng nhóm. Đáp án: shūbāo xiàngpí tóngxué péngyou běnzi xièxie míngzi lǎoshī xuéxiào
		Bài 2. Em hãy nghe và viết phiên âm. – GV vẫn chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) như trước nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng nhóm. Đáp án: **a/Âm đầu** 1. nǐmen 2. shénme 3. hěn hǎo 4. bù chī 5. gōngrén 6. lánsè **b/Vần** 1. wǒmen 2. māma 3. xìng Ruǎn 4. niúnǎi 5. píngguǒ 6. yīshēng

Tiết	Nội dung	Hình thức
		Bài 3. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. Đáp án: 1. nín hǎo 2. bèizi 3. běnshì 4. lǎoshī 5. tóng xié 6. yǔyán
		Bài 4. Em hãy đọc đúng thanh điệu của yi và bu. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) yêu cầu điền đúng thanh điệu và ghi đáp án ra bảng. – GV nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. – GV yêu cầu các đội luyện đọc và thành viên trong đội lần lượt đọc các cụm từ nối tiếp nhau. GV và HS đội còn lại nhận xét và tính điểm. Đội nào đọc đúng bao nhiêu câu sẽ được số điểm tương ứng với số câu đọc đúng. – GV tổng kết số điểm các đội đạt được trong phần ngữ âm và phát phần thưởng. – Đáp án: 1. bú qù 2. bù zhīdao 3. yī qiān 4. yídìng 5. yì běn 6. yì nián
4+5	Nghe từ vựng phán đoán đúng sai	Bài 5. Em hãy xem tranh và phán đoán đúng sai. – GV cho HS nghe 2 – 3 lần và phán đoán đúng sai. – GV cho HS luyện đọc phiên âm và chữ Hán các từ xuất hiện trong bài, yêu cầu HS giải thích nghĩa của các từ. Đáp án: 不好✗ 橡皮✓ 老师✓ 本子✗
	Đọc và chọn câu trả lời đúng	Bài 6. Em hãy đọc và chọn câu trả lời đúng. – GV chia nhóm (4 – 5 bạn/nhóm) đọc. – Các nhóm viết phương án lựa chọn vào bảng. – GV cho HS đọc và chữa bài. Đáp án: 1-D; 2-A; 3-B; 4-C – GV tổng hợp điểm các nhóm và khen thưởng. – GV yêu cầu HS các đội đặt các câu hỏi giao tiếp tương tự để các đội hỏi đáp.

Tiết	Nội dung	Hình thức
6	Chơi trò chơi	Bài 7. Chúng mình cùng chơi trò chơi. – GV chia nhóm, phát thẻ tên cho HS trong lớp. Thẻ tên có thể là tên mình, cũng có thể là tên bạn khác. – GV cho HS nhận biết tên, phiên âm và cho HS vẽ hình của HS có tên trên đó lên thẻ tên. – HS ngồi tại chỗ, GV đi và hát hoặc đọc theo nhạc mà GV lựa chọn (gợi ý nhạc sôi động), nội dung lời: Nǐ hǎo! Nǐ hǎo! Nǐ hǎo ma? Shéi hé shéi shì hǎo péngyou. 你好！你好！你好吗？谁和谁是朋友？ Nǐ hǎo! Nǐ hǎo! Wǒ hěn hǎo! X hé Y shì hǎo péngyou. 你好！你好！我很好！X和Y是好朋友。 – GV sẽ yêu cầu 2 bạn đang cầm thẻ tên X và Y lên lần lượt nói: 你是我的好朋友。Nếu phát âm sai hoặc nói chậm quá 5 giây sẽ bị loại. – Cứ như vậy 5 – 7 lượt chơi. Số HS bị loại sẽ phải sẽ phải chơi lại vòng sau, các bạn chơi thắng được giám sát trò chơi. – Cuối trò chơi, GV thưởng cho các bạn chơi thắng.
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	Bài 8. Em hãy luyện viết các chữ Hán dưới đây. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của các chữ Hán 女，子，不，少，口, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS.
8	Chọn nét cần tìm trong chữ Hán	Bài 9. Em hãy tìm nét giống nét in đậm trong các chữ dưới đây. – GV in phiếu chữ Hán rỗng cho HS nhận biết và tô màu vào các nét cần tìm. – Hai bạn ngồi cạnh nhau sẽ đối chiếu bài làm của nhau. – GV cho chữ Hán chạy trên phần mềm thứ tự nét để nhận biết được các nét cần tìm trong chữ.
	Cách người Trung Quốc gọi tên người khác	– GV giới thiệu về nét văn hoá xưng hô tên gọi của người Trung Quốc: Họ + chức danh nghề nghiệp (Ví dụ như thầy giáo, học sinh, kĩ sư, bác sĩ...) – GV cho HS đóng các vai để gọi tên nhau. (Ví dụ như bạn bè, thầy cô và HS, bố mẹ và con cái...)

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV tổng hợp các cách giao tiếp trong chủ điểm 2. – GV tổng hợp đóng khung các cấu trúc, HS ghi chép vào vở ghi.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ, về nhà chào hỏi và hỏi các đồ vật, hỏi họ tên của bố mẹ, bạn bè... – Tập viết các chữ Hán đã học. – Luyện lại các bài hát đã học

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

Nghe và chọn phiên âm, kết hợp luyện đọc để củng cố nội dung kiến thức ngữ âm của chủ điểm 2. Kĩ năng nghe, nói được kết hợp trong bài chơi trò chơi, rèn luyện phạn xạ cho HS.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

HS nói thực hành giao tiếp thực tế ngay với những nội dung kiến thức của chủ điểm.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để luyện tập các cấu trúc, cách nói đã học trong chủ điểm.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第九课：你有弟弟吗

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 9, học sinh biết cách hỏi và trả lời về các thành viên trong gia đình.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Ngữ âm: Phát âm chuẩn các từ ngữ trong bài; Nói đúng ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

– Từ vựng: 有，弟弟，没有，姐姐，妹妹，也，哥哥
家，几，口，人，四，三，个，和
一，二，三，四，五，六，七，八，九，十

– Cấu trúc: "……有……吗？ ";"……有没有……?"; "số từ + lượng từ + danh từ"

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được về số lượng và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 几，个，和，有，没.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách giới thiệu với mọi người về các thành viên trong gia đình.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Phần mềm dạy viết chữ.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp và ôn tập nội dung đã học ở chủ điểm 2	– GV và HS chào nhau. – Mời cả lớp nhớ xem tên gọi tiếng Trung của cô giáo và bạn lớp trưởng thông qua hoạt động hỏi đáp: GV chỉ vào bản thân mình hỏi cả lớp "老师叫什么名字？" hoặc chỉ tay về phía bạn lớp trưởng hỏi "她/他姓什么？" xem HS ai trả lời nhanh nhất thì có thưởng (vỗ tay hoặc lời khen).
2	Trò chơi nhỏ	– Chia lớp ra thành 2 nhóm và thi đua trả lời nhanh tên các bạn trong lớp. 她/他姓什么？叫什么名字？ – Nói được tên 1 bạn sẽ được 1 điểm.
3	Chuẩn bị vào bài học mới	– Mời cả lớp giơ bức tranh tự vẽ về gia đình của mình (đã được yêu cầu chuẩn bị từ trước) cho thầy/cô giáo và bạn bè xem. – Thầy/cô giới thiệu nội dung bài học mới sẽ nói về các thành viên trong gia đình.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV mở file nghe 9/1 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân.
		– Trò chơi: GV nói từ tiếng Việt, HS nói từ tiếng Trung và ngược lại. Làm nhiều lần, không theo thứ tự, tốc độ nhanh dần đều. – Lập nhóm nhỏ khoảng 3 – 4 HS. Một HS nói từ tiếng Việt hoặc tiếng Trung Quốc, chỉ định một bạn khác nói nghĩa tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Việt tương ứng. Bạn vừa trả lời lại tiếp tục làm như vậy cho tới bạn cuối cùng trong nhóm. GV quan sát từng nhóm và sửa lỗi cho HS.
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 你有弟弟吗？我有弟弟。我没有弟弟。 – GV dẫn HS đọc từng câu trên. Không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– GV hướng dẫn HS đọc 2 câu trong sách (cả lớp hoặc ½ lớp hoặc từng nhóm) 你有妹妹吗？我有妹妹。 你有没有哥哥?我没有哥哥。 (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.)
2	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 1)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, gọi HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 你有哥哥吗？我没有弟弟。你有没有姐姐? – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV mở file nghe 9/2 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe 9/3 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế. GV theo dõi và chỉnh sửa lỗi phát âm, ngữ điệu, dùng từ, cấu trúc cho HS.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV mở file nghe 9/4 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – GV lưu ý lượng từ 口 chỉ dùng để hỏi về số lượng người trong gia đình. Lượng từ 个 có thể dùng cho người như 同学，朋友，弟弟，哥哥，姐姐，妹妹 hoặc một số đồ vật như 书包，橡皮.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV ghép cụm từ và yêu cầu HS đọc theo: 我的家，几个，几个人，几口人，三口人，三个人，四个人，四口人，一个书包，一个橡皮.
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 你有几个妹妹？我有一个妹妹。 – GV dẫn HS đọc từng câu trên. Không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu. – GV dẫn đọc đếm từ 1 đến 10: đọc lần lượt hoặc đọc bất kì. – GV hướng dẫn HS đọc 2 câu trong sách (cả lớp hoặc ½ lớp hoặc từng nhóm) 你家有几口人？你有几个弟弟？ (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.)
5	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 2)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, gọi HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 你家有几口人。我有一个弟弟。我有姐姐和妹妹。 – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau. – Lập nhóm 3 – 5 HS hoặc chung cả lớp: dịch số từ bất kì từ tiếng Việt sang tiếng Trung và ngược lại.
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV mở file nghe 9/5 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe 9/6 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế.

Tiết	Nội dung	Hình thức
7	Tập viết chữ	– GV dùng phấn bảng hoặc cho HS xem phần mềm viết chữ, hướng dẫn từng nét viết của 5 chữ và yêu cầu HS viết theo. Mỗi chữ viết trên lớp 2 – 3 chữ. – GV kiểm tra HS viết có đúng nét, đúng trật tự nét không và có nhận xét đánh giá. – Hướng dẫn HS về nhà tập viết vào vở tập viết và làm bài tập viết phiên âm, chữ Hán. – Trước khi học viết chữ mới GV có thể gọi một số HS lên bảng viết một số chữ đã học, các HS khác viết vào vở. GV nhận xét cho điểm (nếu cần thiết). Hoặc GV nhận xét vở tập viết ở nhà của HS.
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học.	– GV chia nhóm cho HS làm bài tập trả lời theo tranh. – Cho HS nghe file 9/7 và làm bài trên lớp. Mỗi cặp thoại có thể nghe 2 lượt. – Nội dung bài nghe : (1) A:河芳有没有弟弟? B:她有弟弟。 (2) A:宝玉的家有几口人? B:六口人。 (3) A:陈南有哥哥、姐姐吗? B:他没有哥哥，也没有姐姐。 (4) A:他家有几口人? B:他家有四口人。 – Đáp án: 1. yǒu méiyǒu 2. kǒu 3. méiyǒu / méiyǒu 4. sì – GV hướng dẫn HS luyện giới thiệu về thành viên trong gia đình theo mẫu. – GV yêu cầu chuẩn bị nội dung học tập cho bài học sau (hỏi trước tuổi của bố mẹ, anh chị em trong gia đình).

4.3. Củng cố bài học và hướng dẫn học sinh tự học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– Khi dạy cấu trúc mới GV dùng font chữ nổi bật trên PPT hoặc phấn mầu viết trên bảng, đóng khung để HS ghi nhớ. – HS viết lại các cấu trúc mới vào vở ghi. – GV hướng dẫn HS cách ghi nhớ chữ Hán.

STT	Nội dung	Hình thức
2	Hướng dẫn HS tự học	– Nghe file nghe để luyện phát âm và nói cho đúng ngữ điệu. – Luyện viết các chữ Hán vào vở bài tập cho thuần thục, đúng quy tắc. – Khuyến khích HS tự làm clip nói theo chủ điểm của bài học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Cấu trúc "……有……吗？" "……有没有……？". Trả lời "……有/没有……" và cấu trúc "số lượng từ + danh từ" có trật tự giống tiếng Việt nên không cần đặc biệt giải thích, chỉ cần đóng khung yêu cầu HS đặt câu theo cấu trúc đó.

Cụm từ "有没有" coi như một cụm từ cố định có nghĩa "có...không?" và hướng dẫn học sinh dùng để đặt các câu hỏi xem trong gia đình mình có anh/chị/em không. Chú ý, tuyệt đối không tách thành 有/没有 và giải thích là cấu trúc câu hỏi chính phản.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế

– Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tự do theo thực tế.

– Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3 Kết hợp học tập với giải trí

– Khi dạy về các thành viên trong gia đình, khuyến khích HS tập vẽ bức tranh gia đình và ghi chú từng thành viên.

– Khi dạy số từ từ 1 – 10 có thể cho HS học hát bài hát số đếm sưu tầm trên các trang mạng miễn phí. GV cũng có thể tự soạn theo một bản nhạc Việt Nam hoặc khuyến khích HS tự "sáng tác" theo ý của mình.

– Cho HS vẽ tranh và tự quay clip giới thiệu về gia đình mình.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như tự quay clip giới thiệu về gia đình) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第十课：你弟弟几岁

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 10, học sinh biết cách hỏi và trả lời về tuổi.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Ngữ âm: Phát âm chuẩn các từ ngữ trong bài; Nói đúng ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

– Từ vựng: 岁，两，都
多大，三十五，爷爷，奶奶，知道，一百

– Cấu trúc: ".....几岁?"；"两岁"；"..... 多大?"；Cách đọc từ 11 đến 100.

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được về số lượng và tuổi của các thành viên trong gia đình.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 岁，多，你，我，他.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách hỏi tuổi của các đối tượng khác nhau: trẻ em và người lớn.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Phần mềm dạy viết chữ.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp và ôn tập nội dung đã học ở bài 9	– GV và HS chào nhau. – Mời HS giới thiệu về thành viên trong gia đình
2	Trò chơi nhỏ	Trong 3 phút giới thiệu được thành viên gia đình của các bạn trong lớp. Bạn nào nói được nhiều thì ghi được điểm cao.
3	Chuẩn bị vào bài học mới	Hỏi xem HS có biết tuổi của mình và tuổi các thành viên trong gia đình mình không? Chuẩn bị học nói tuổi trong bài học mới.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV mở file nghe 10/1 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV lưu ý cách dùng của số 2 (两). – GV ghép cụm từ và yêu cầu HS đọc theo: 几岁，两岁，八岁，都八岁.
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV viết hai câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 你妹妹几岁？我妹妹两岁。 – GV dẫn HS đọc câu trên. Không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu. Lưu ý cách hỏi 几岁 chỉ dùng hỏi tuổi cho trẻ em dưới 10 tuổi. – GV hướng dẫn HS đọc 4 câu trong sách (cả lớp hoặc ½ lớp hoặc từng nhóm) 他几岁？他两岁。你们几岁？我们都八岁。 (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.)
2	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 1)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, gọi HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 你弟弟几岁？我也八岁。我们都八岁。 – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV mở file nghe 10/2 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe 10/3 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế. GV theo dõi và chỉnh sửa lỗi phát âm, ngữ điệu, dùng từ, cấu trúc cho HS.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV mở file nghe 10/4 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – GV lưu ý 多大 dùng để hỏi tuổi của người lớn hoặc trẻ em trên 10 tuổi. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV ghép cụm từ và yêu cầu HS đọc theo:
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 你妈妈多大? – GV dẫn HS đọc câu trên. Không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu. – GV hướng dẫn đọc các số chẵn chục 10-100 và các số lẻ khác. – GV hướng dẫn HS đọc 3 câu trong sách (cả lớp hoặc ½ lớp hoặc từng nhóm) 你爸爸多大？我爸爸三十五岁。你爷爷、奶奶多大? (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.)

Tiết	Nội dung	Hình thức
5	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 2)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, gọi HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 你爷爷多大？我不知道奶奶多大。我妈妈也三十五岁。 – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau. – Chơi trò chơi: Nhóm thứ nhất: một HS nói tiếng Việt số bất kì từ 11-100, chỉ định HS khác chuyển thành tiếng Trung Quốc và cứ tiếp tục như vậy. Nhóm thứ 2 làm tương tự nhưng chuyển từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt.
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV mở file nghe 10/5 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe 10/6 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế.
7	Tập viết chữ	– GV dùng phấn bảng hoặc cho HS xem phần mềm viết chữ, hướng dẫn từng nét viết của 5 chữ và yêu cầu HS viết theo. Mỗi chữ viết trên lớp 2 – 3 chữ. – GV kiểm tra HS viết có đúng nét, đúng trật tự nét không và có nhận xét đánh giá. – Hướng dẫn HS về nhà tập viết vào vở tập viết và làm bài tập viết phiên âm, chữ Hán. – Trước khi học viết chữ mới GV có thể gọi một số HS lên bảng viết một số chữ đã học, các HS khác viết vào vở. GV nhận xét cho điểm (nếu cần thiết). Hoặc GV nhận xét vở tập viết ở nhà của HS.

Tiết	Nội dung	Hình thức
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	– GV chia nhóm cho HS làm bài tập trả lời theo tranh. – GV dẫn đọc các câu mẫu bài tập bảng cửu chương và gọi từng học sinh đọc lại. – GV nhắc HS nếu kết quả là 2 con số thì không cần đọc từ "dé". – - GV dẫn đọc từng cột trong bảng cửu chương và yêu cầu từng nhóm hoặc cá nhân đọc lại. – GV yêu cầu chuẩn bị nội dung học tập cho bài học sau (hỏi trước nghề nghiệp của bố mẹ, anh chị em trong gia đình).

4.3. Củng cố bài học và hướng dẫn học sinh tự học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– Khi dạy cấu trúc mới GV dùng font chữ nổi bật trên PPT hoặc phấn mầu viết trên bảng, đóng khung để HS ghi nhớ. – HS viết lại các cấu trúc mới vào vở ghi. – GV hướng dẫn HS cách ghi nhớ chữ Hán.
2	Hướng dẫn HS tự học	– Nghe file nghe để luyện phát âm và nói cho đúng ngữ điệu. – Luyện viết các chữ Hán vào vở bài tập cho thuần thục, đúng quy tắc. – Khuyến khích HS tự làm clip nói theo chủ điểm của bài học. – Khuyến khích HS học thuộc một phần bảng cửu chương bằng tiếng Trung Quốc.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

– Cấu trúc "……几岁？"; "…… 多大" dùng để hỏi về tuổi của hai đối tượng khác nhau. GV cho thay đổi đối tượng hỏi liên tục để HS phân biệt cách dùng hai câu hỏi này.

– Lưu ý cách dùng của "两".

– Các số đếm từ 11 đến 99 được ghép từ các số chẵn chục và các số đếm từ 1 đến 9. Vì vậy GV nên hướng dẫn HS nhóm từ 11 đến 20, sau đó để HS phân nhóm tự phát hiện ra cách nói số từ 21-99.

– Từ "知道" có cách dùng như tiếng Việt, vậy nên nếu khả năng học của HS tốt có thể phát triển khả năng nói của HS, ví dụ: 我知道妈妈多大，不知道爸爸多大。我不知道弟弟几岁。你们知道老师多大吗？你知道他叫什么名字吗？我不知道他叫什么名字。

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế

– Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tự do theo thực tế.

– Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Khi hỏi về tuổi của các thành viên trong gia đình có thể yêu cầu HS vẽ bánh sinh nhật trên đó có ghi số tuổi của các thành viên trong gia đình hoặc bạn bè.

– Khi dạy số từ từ 11 đến 100 có thể cho HS học hát bài hát về bảng cửu chương trên các trang mạng miễn phí.

– Cho HS vẽ tranh và tự giới thiệu về tuổi của các thành viên trong gia đình mình.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như tự quay clip giới thiệu về tuổi của thành viên trong gia đình) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第十一课：你爸爸做什么工作

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 11, HS biết cách hỏi và trả lời về công việc của các thành viên trong gia đình.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ

– Ngữ âm: Phát âm chuẩn các từ ngữ trong bài; Nói đúng ngữ điệu trong các tình huống giao tiếp cụ thể.

– Từ vựng: 医生，护士，学生，对
做，工作，工人，农民，记者

– Cấu trúc: "……是不是……"; "……做什么工作？";

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được về số lượng và nghề nghiệp các thành viên trong gia đình.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 学，生，也，什，么

2.3 Văn hoá và giao tiếp văn hoá

Sau bài học, biết cách giới thiệu với mọi người về nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– HS dùng vở ô li, bút chì 2B hoặc HB, bút nước mềm/bút gel.

– Phần mềm dạy viết chữ.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Ổn định lớp và ôn tập nội dung đã học ở bài 10	– GV và HS chào nhau. – GV hỏi tuổi của HS và HS trả lời. – HS hỏi tuổi bố mẹ nhau.
2	Trò chơi nhỏ	Mời 2 nhóm mỗi nhóm 5 HS lên đọc bảng cửu chương theo hình thức đọc tiếp sức. Trong thời gian nhất định nhóm nào đọc được nhiều và đúng nhất nhóm đó sẽ thắng.
3	Chuẩn bị vào bài học mới	Hỏi xem HS có biết công việc của các thành viên trong gia đình mình không? Chuẩn bị học nói công việc của thành viên trong gia đình ở bài học mới.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV mở file nghe 11/1 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV lưu ý phân biệt cho HS bác sĩ và y tá.
	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 你爸爸是不是老师？ – GV dẫn HS đọc câu trên. Không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu. Lưu ý cách hỏi dùng 是不是. – GV hướng dẫn HS đọc 3 câu trong sách (cả lớp hoặc ½ lớp hoặc từng nhóm) 你是不是护士？我不是护士。她是护士。 (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.)
2	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 1)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, gọi HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 我爸爸是医生。我妈妈不是老师。你爸爸是不是护士? – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV mở file nghe 11/2 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe 11/3 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế. GV theo dõi và chỉnh sửa lỗi phát âm, ngữ điệu, dùng từ, cấu trúc cho HS.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV mở file nghe 11/4 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần từ ngữ tương ứng và yêu cầu HS đọc theo từng từ. – Với mỗi từ yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. – Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – GV ghép cụm từ và yêu cầu HS đọc theo: 什么工作，做什么工作，是不是工人，是不是农民，是不是记者?
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV viết câu mẫu lên bảng (Phiên âm ở trên, chữ Hán ở dưới) 你爸爸做什么工作? – GV dẫn HS đọc câu trên. Không cần dịch để HS tự cảm nhận nghĩa của câu. – GV hướng dẫn HS đọc 2 câu trong sách (cả lớp hoặc ½ lớp hoặc từng nhóm) 你妈妈做什么工作? 你姐姐做什么工作? – (Lưu ý khi đọc lần 1, 2 yêu cầu HS nhìn phiên âm để phát âm chính xác. Lần 3, 4 nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ.)

Tiết	Nội dung	Hình thức
5	Ôn tập cấu trúc và làm bài tập sắp xếp từ ngữ thành câu (phần 2)	– GV trình chiếu PPT từng từ, từng hàng từ ngữ và yêu cầu HS đọc các từ/ngữ đó. – Sau khi HS đọc xong từng từ ngữ, gọi HS sắp xếp thành câu đúng. – GV viết lại câu đúng đó lên bảng (hoặc chuẩn bị sẵn ở PPT) và yêu cầu cả lớp đọc lại câu đó. – Làm lần lượt như trên cho cả 3 câu. 你哥哥做什么工作？我姐姐不工作。我妈妈是记者。 – Có thể yêu cầu HS tự đặt câu tương tự (nếu còn dư thời gian). – Chú ý luôn luôn yêu cầu HS nhìn phiên âm trong những lần đầu để phát âm chính xác và nhìn chữ Hán để tập nhận mặt chữ ở các lần đọc sau.
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV mở file nghe 11/5 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần cụm từ ngữ hoặc câu tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – GV mở tiếp file nghe 11/6 (hoặc GV tự đọc), chiếu PPT phần hội thoại tương ứng và yêu cầu HS đọc theo. – Chú ý, với mỗi từ ngữ hoặc câu/đoạn hội thoại, yêu cầu HS nghe, nhìn phiên âm để phát âm chính xác (lần 1, 2) và nhìn chữ Hán để nhận mặt chữ (lần 3, 4) và đọc theo. Có thể đọc cả lớp, nửa lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân. – Sau mỗi đoạn hội thoại có thể cho HS chia nhóm phân vai và tập giao tiếp theo thực tế.
7	Tập viết chữ	– GV dùng phấn bảng hoặc cho HS xem phần mềm viết chữ, hướng dẫn từng nét viết của 5 chữ và yêu cầu HS viết theo. Mỗi chữ viết trên lớp 2 – 3 chữ. – GV kiểm tra HS viết có đúng nét, đúng trật tự nét không và có nhận xét đánh giá. – Hướng dẫn HS về nhà tập viết vào vở tập viết và làm bài tập viết phiên âm, chữ Hán. – Trước khi học viết chữ mới GV có thể gọi một số HS lên bảng viết một số chữ đã học, các HS khác viết vào vở. GV nhận xét cho điểm (nếu cần thiết). Hoặc GV nhận xét vở tập viết ở nhà của HS.

Tiết	Nội dung	Hình thức
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	– GV chia nhóm cho HS làm bài tập trả lời theo tranh. – Cho HS nghe file 11/7 và làm bài trên lớp. Mỗi cặp thoại có thể nghe 2 lượt. – Nội dung bài nghe (đáp án là phần in đậm) (1) A:你爸爸是医生吗? B:是。 (2) A:河芳的妈妈是老师吗? B:不是，她是护士。 (3) A:宝玉的哥哥做什么工作? B:他不工作，他是学生。 (4) A:明英的爸爸是记者吗? B:是，他是记者。 – Đáp án: 1. yīshēng 2. lǎoshī / hùshì 3. gōngzuò / xuéshēng 4. bàba / shì
		– GV hướng dẫn HS đóng vai nhà báo và phỏng vấn các bạn trong lớp theo mẫu câu, thi đua xem ai biết được nhiều thông tin về gia đình các bạn trong lớp nhất. – GV yêu cầu chuẩn bị nội dung học tập cho bài học sau (ôn tập nội dung chủ điểm 2)

4.3. Củng cố bài học và hướng dẫn học sinh tự học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– Khi dạy cấu trúc mới GV dùng font chữ nổi bật trên PPT hoặc phấn mầu viết trên bảng, đóng khung để HS ghi nhớ. – HS viết lại các cấu trúc mới vào vở ghi. – GV hướng dẫn HS cách ghi nhớ chữ Hán.
2	Hướng dẫn HS tự học	– Nghe file nghe để luyện phát âm và nói cho đúng ngữ điệu. – Luyện viết các chữ Hán vào vở bài tập cho thuần thục, đúng quy tắc. – Khuyến khích HS tự làm clip nói theo chủ điểm của bài học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1 Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

– Cấu trúc "……是不是……" tuy mới, song HS đã được học các từ "是" và "不是", vì thế GV ghép 2 từ đã học thành "是不是" coi như một cụm từ cố định, có nghĩa "có phải là … không" và đặt nhiều câu hỏi để HS thuần thục cách dùng. Đồng thời

ôn tập lại cách dùng "有没有" với nghĩa "có...không" đã học ở bài trước. Tuyệt đối không dùng thuật ngữ cấu trúc "câu hỏi chính phản" để giải thích.

– "做什么工作" cũng coi như một cụm từ cố định dùng để hỏi về công việc (nghề nghiệp) của ai đó. Khi trả lời chỉ cần nói "……是……". Nếu HS trả lời "……做……" thì nhắc nhở trong tiếng Trung Quốc không nói như vậy.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế

– Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tự do theo thực tế.

– Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

– GV có thể bổ sung phiên âm các từ ngữ biểu thị những nghề nghiệp khác để HS phát triển giao tiếp.

5.3 Kết hợp học tập với giải trí

– Khi giới thiệu về nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình, có thể yêu cầu HS vẽ hình ảnh liên quan đến nghề nghiệp đó.

– Có thể yêu cầu một bạn vẽ, bạn khác trả lời xem người đó làm nghề gì.

5.4 Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5 Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như tự quay clip giới thiệu về nghề nghiệp của thành viên trong gia đình) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第十二课：复习（2）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 12, HS có thể: (1) Phát âm đúng và có ngữ điệu các câu giao tiếp ngắn; (2) Sử dụng thành thục các cấu trúc đã học để hỏi đáp, giới thiệu về số lượng và các quan hệ, tuổi, công việc của các thành viên trong gia đình.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Ngữ âm: luyện phát âm từ, cụm từ, câu ngắn

– Từ vựng: ôn tập lại các từ vựng trong chủ điểm.

– Cấu trúc: ôn tập các cấu trúc "……有……吗？";"……有没有……?"; "số từ + lượng từ + danh từ", "……几岁？"; "……两" "……多大？"; "……是不是……"; "……做什么工作？". Số đếm từ 1 đến 100.

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: nghe hiểu các câu hỏi đáp về số lượng và các quan hệ, tuổi, công việc của các thành viên trong gia đình.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán được yêu cầu.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách giới thiệu về thành viên trong gia đình, biết cách hỏi tuổi của những đối tượng khác nhau, biết cách nói về nghề nghiệp.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– HS dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– Hát theo nhạc. – GV mở nhạc bài hát 乘法口诀歌, cả lớp hát theo nhạc. – Sau khi hát theo nhạc HS hỏi nhau về số thành viên, tuổi các thành viên trong gia đình.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1+2	Ôn tập ngữ âm	Bài 1. Em hãy nghe và chọn âm nghe được. – GVcho HS nghe và ghi lại đáp án vào vở nháp. – GV mở file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. Đáp án: 1. xuésheng 2. gōngzuò 3. nóngmín 4. zhīdào 5. gōngrén
		Bài 2. Em hãy nghe và viết phiên âm. – GV vẫn chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) như trước nghe mỗi câu 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. Các bạn khác viết đáp án vào nháp. – GV mở file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng nhóm. – Nội dung nghe: (1)我家有四口人; (2)他弟弟五岁; (3)你妈妈多大?; (4)我爸爸是工人; (5)她有一个姐姐。 Đáp án: 1. sì kǒu 2. wǔ suì 3. duōdà 4. gōngrén 5. jiějie Bài 3. Cùng tìm nghề nghiệp nhé. GV chia lớp thành nhiều nhóm khác nhau và hướng dẫn các nhóm HS chơi trò chơi theo hướng dẫn. GV có thể thưởng điểm cho các nhóm hoặc cá nhân HS.

Tiết	Nội dung	Hình thức
3+4	Luyện viết chữ Hán	Bài 4. Em hãy xem tranh và viết chữ Hán tương ứng theo phiên âm. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) yêu cầu lên bảng lần lượt viết chữ Hán theo yêu cầu. – GV nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. – GV tổng kết số điểm các đội đạt được và phát phần thưởng. – GV yêu cầu các bạn còn lại viết chữ Hán vào vở, yêu cầu hai bạn ngồi cạnh kiểm tra lẫn nhau. Đáp án: 1. 和; 2. 没有; 3. 我/你; 4. 什么; 5. 学生
		Bài 5. Em hãy đếm số nét của các chữ Hán dưới đây. – GV cho HS cho cả lớp tự đếm xem ai đếm được số nét chữ nhanh nhất. – GV chốt đáp án và cùng cả lớp đếm lại. Giải thích các nét viết liền, giải thích lí do các nét HS ngắt nhầm dẫn đến đếm sai số lượng nét. – GV nhân bài tập này ôn tập lại thứ tự nét chữ và quy tắc viết chữ Hán. Đáp án: 1. 8 nét; 2. 6 nét; 3. 10 nét; 4. 8 nét; 5. 7 nét
		Bài 6. Em hãy tập viết các chữ Hán dưới đây. – GV hướng dẫn HS tập viết từng chữ. – GV giải thích chữ hội ý 好. – GV tận dụng các bộ thủ đã học để giúp HS viết chữ nhanh hơn.
5+6+7	Luyện tập giao tiếp	Bài 7. Em hãy dùng từ ngữ cho sẵn viết câu theo tranh gợi ý. – HS quan sát hình và từ ngữ đã cho, hiểu ý nghĩa của các từ này, sau đó sẽ viết câu. – GV có thể gợi ý mẫu cho HS, hoặc đưa ra thêm nhiều hình ảnh liên quan đến từ. Ví dụ: Hình 1 từ 我家, HS có thể viết được rất nhiều câu như: 这是我的家。 我家有四口人。 我八岁，我弟弟两岁。

Tiết	Nội dung	Hình thức
		Bài 8. Em hãy nói theo mẫu. – GV cho HS xem nội dung của các câu mẫu, giải thích nghĩa, chỗ cần lưu ý, sau đó HS có thể làm theo nhóm, theo tổ. – HS có thể thay thế các từ ngữ khác trong câu để luyện tập các từ ngữ trọng điểm.
		Bài 9: Em hãy hoàn thành bài giới thiệu về gia đình mình sau đó giới thiệu cho cả lớp. – GV cho HS đọc nội dung, hiểu nghĩa đoạn văn ngắn, sau đó GV có thể gợi ý một số từ cho HS chọn. – HS luyện nói, luyện viết vào vở (tuỳ theo năng lực cá nhân HS có thể viết phiên âm hoặc chữ Hán). – GV có thể giới thiệu, khen ngợi các bài viết chữ đẹp, nội dung phong phú, trang trí hấp dẫn.
8	Các yếu tố văn hoá cần chú ý	– Lưu ý HS khi hỏi tuổi người lớn, tuổi trẻ em cần dùng 2 loại câu hỏi khác nhau. – Giới thiệu về cách dùng ngón tay để chỉ số. – GV cho HS đọc lại 乘法口诀歌 để luyện về số đếm từ 1 đến 100.

4.3 Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV tổng hợp các cách giao tiếp trong chủ điểm 3. – GV tổng hợp đóng khung các cấu trúc, HS ghi chép vào vở ghi.
2	Gợi ý cho HS	– Khuyến khích HS ngoài giờ tự giới thiệu về gia đình mình. – Tập viết các chữ Hán đã học. – Luyện lại các bài hát đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

– Các kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp được nhấn mạnh sau mỗi bài tập giao tiếp.

– Cho HS luyện tập nhiều lần để tạo phản xạ dùng các từ ngữ và cấu trúc đã học.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

HS thực hành giao tiếp thực tế ngay với những nội dung kiến thức của chủ điểm.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để luyện tập các cấu trúc, cách nói đã học trong chủ điểm.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ tranh gia đình hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第十三课：我和弟弟都喜欢红色

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 13, HS có thể biết cách nói về sở thích của mình.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 喜欢，红色，蓝色，牛奶，面包
喝，果汁，杯，好喝，吃，包子

– Cấu trúc: cách nói về sở thích của mình.....喜欢.....; .....喜欢吃.....

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về sở thích.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 牛，奶，包，红，杯.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách sử dụng tiếng Trung Quốc để nói về sở hích của bản thân và hỏi sở thích của người khác.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– "Giới thiệu về gia đình của em" – GV chuẩn bị một số bức ảnh về gia đình. Gợi ý: gia đình có 3 người, gia đình có 4 người, gia đình có 6 người… Các tổ lần lượt cử đại diện lên giới thiệu bức ảnh mà tổ mình bốc thăm trúng, các tổ còn lại lắng nghe. Mỗi tổ trình bày xong, GV sẽ đặt câu hỏi, xem tổ nào có thể trả lời được và tính điểm.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 51, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 喜欢，红色，蓝色，牛奶，面包. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội hoặc chơi cá nhân).
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cách nói về sở thích của bản thân 我喜欢红色。 – GV chuẩn bị các thẻ từ liên quan đến từ ngữ đã học ở bài này hoặc những bài trước, sau đó mời các em HS luyện nói 我喜欢….; 我不喜欢…. – GV nhấn mạnh sau 喜欢 là các từ chỉ người, đồ vật. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 我妈妈喜欢面包; 2. 我不喜欢蓝色 ; 3. 我们都喜欢红色
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp. Nếu còn thời gian cho HS chào và hỏi thăm sở thích của nhau hoặc của một bạn khác.

Tiết	Nội dung	Hình thức
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 55, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 喝，好喝，吃，杯，包子，果汁. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu về cấu trúc ".....喜欢吃....." GV hướng dẫn cách nói sở thích của mình về món ăn hoặc thức uống. – GV nhấn mạnh sau 喜欢 là các cụm từ chỉ hành động, việc làm nào đó. – GV cầm lên một số món ăn và thức uống và hỏi HS với cấu trúc 你喜欢吃/喝什么? – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về món ăn hoặc thức uống mình thích. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 我妈妈喜欢吃包子。 2. 我不喜欢吃面包。 3. 你弟弟喜欢喝什么。
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, có thể nghe từng câu, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – GV lưu ý luyện đọc biến điệu hai thanh 3 trong câu: ví dụ 很好喝; và lưu ý ngữ điệu đọc kết nối giữa các từ trong câu. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.

Tiết	Nội dung	Hình thức
6	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập số 2 trang 59.
7	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV chia 2 HS thành một nhóm, cho HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em đáp Bài 2. Em hãy nghe và hoàn thành hội thoại dưới đây. – GV cho HS quan sát toàn bộ nội dung, sau đó mở file nghe nội dung nghe cho HS. Mỗi ngôi sao thay thế cho một chữ Hán – Ở nội dung này không yêu cầu tất cả HS đều phải biết viết chữ Hán, có những HS chỉ viết được phiên âm, chủ yếu củng cố lại xem năng lực cá nhân của HS đạt đến đâu để từ đó có biện pháp hỗ trợ cá nhân HS đó. Bài 3. Em hãy nói theo mẫu. – Mỗi mẫu câu có từ in đậm, GV cho HS mô phỏng theo từ in đậm để mở rộng câu, luyện tập nói về sở thích của bản thân, cũng như hỏi sở thích của người khác.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói về sở thích.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ có thể hỏi bạn bè, người thân... về sở thích. – Tự nghe lại file từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Cách nói .....喜欢.....; .....喜欢吃..... trật tự từ gần gũi với cách nói của tiếng Việt, chỉ cần giải thích đơn giản, yêu cầu HS mô phỏng theo các cách nói đó.

5.2 Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú trong giờ học.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

- Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.
- Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第十四课：这件衣服很漂亮

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 14, HS có thể (1) Biết cách miêu tả sự vật xung quanh mình; (2) Biết cách sử dụng lượng từ dành cho áo "件".

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Ngữ âm: cách đọc thanh nhẹ trong tiếng Trung Quốc (piàoliang, yīfu).

– Từ vựng: 件，衣服，漂亮，买，大
苹果，草莓，好吃，小

– Cấu trúc: Cấu trúc có phó từ mức độ "很": 很 + 形容词
Cấu trúc có từ phủ định "不"
Đại từ chỉ thị: 这，那

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời miêu tả được tính chất, trạng thái của các vật dụng xung quanh mình.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Luyện viết các chữ Hán: 件、买、吃、苹、果.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách miêu tả tính chất và trạng thái của đồ vật quanh mình.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	Trò chơi "Ai nhanh hơn" – GV chia lớp thành 2 - 4 đội, trình chiếu PPT những Hán tự đã học trong bài 13, đội nào nhanh tay nhanh mắt sẽ giành quyền đọc hết toàn bộ chữ Hán đó. Đọc đúng được cộng 1 điểm, đọc sai sẽ bị trừ 1 điểm, và dành quyền cho các đội còn lại sau khi GV tổng kết các đáp án. – Giáo viên sẽ tổng kết điểm và khen thưởng đội có điểm cao nhất.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV mở lại file cho HS nghe và luyện đọc đồng thanh tại chỗ từ 2 – 3 lần. – GV cho HS nghe và đọc theo nhóm (3 – 4 bạn/nhóm), mỗi nhóm đọc 4 từ/cụm từ. Ví dụ: dà / mǎi / jiàn / piàoliang / yīfu. – GV cho HS nghe và đọc cá nhân (5 – 6 HS/cả lớp). – GV lưu ý HS khi kết hợp thanh điệu giữa hai âm. Chú ý thanh nhẹ: 漂亮、衣服. – GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 62. – GV hỏi học sinh về nghĩa của từ mới (có thể là hình thức chuẩn bị bài hoặc đã từng nghe qua những từ ngữ này ở đâu đó hay chưa). – Giáo viên mở rộng từ mới: từ trái nghĩa của 大、买、漂亮. – GV giới thiệu về lượng từ "件" sử dụng trong các trường hợp: các loại áo.
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– Câu có phó từ mức độ "很": 很 + 形容词 – Ôn tập: mời học sinh tạo các cụm từ hoặc đặt câu với một số tính từ đã học, có thể ghép với "很". – Đọc các câu mẫu trong sách. Giáo viên đọc mẫu và mời học sinh đọc ngay sau đó, chú ý ngữ âm. – Ôn tập: mời học sinh tạo các cụm từ hoặc đặt câu với một số tính từ đã học, có thể ghép với "很". – Sắp xếp trật tự các câu trong sách. – Đáp án: 1. 你的书包很漂亮; 2. 面包很大; 3. 那件衣服很大

Tiết	Nội dung	Hình thức
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn trang 65: + GV cho HS nghe file nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV mở file nghe cho HS nghe và luyện đọc đồng thanh tại chỗ từ 2 – 3 lần. – GV cho HS nghe và đọc theo nhóm (3 – 4 bạn/nhóm), mỗi nhóm đọc 4 từ/cụm từ. Ví dụ: píngguǒ / cǎoméi / hǎochī / xiǎo. – GV cho HS nghe và đọc cá nhân (5 – 6 HS/ cả lớp). – GV lưu ý HS khi kết hợp thanh điệu giữa hai âm. Chú ý thanh 3 khi đứng đầu và đứng cuối. – GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 66. – GV hỏi học sinh về nghĩa của từ mới (có thể là hình thức chuẩn bị bài hoặc đã từng nghe qua những từ ngữ này ở đâu đó hay chưa). – Giáo viên mở rộng từ mới: một số trái cây có trong bài (có thể không dạy phiên âm, không nhất thiết yêu cầu nhớ chữ Hán).
5	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV ôn lại động từ "吃" trong bài trước. Tính từ "好" có hai âm đọc, và cách sử dụng của nó khi đứng trước động từ thì sẽ có nghĩa như thế nào. – Câu có từ phủ định "不". – Ôn tập: mời học sinh tạo các cụm từ hoặc đặt câu với một số tính từ, động từ đã học, có thể ghép với "不". – Đọc các câu mẫu trong sách. Giáo viên đọc mẫu và mời học sinh đọc ngay sau đó, chú ý ngữ âm. – Sắp xếp trật tự các câu trong sách.

Tiết	Nội dung	Hình thức
		– Đáp án: 1. 这件衣服不漂亮。 2. 这个草莓不大。 3. 那个苹果也不好吃。
6	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn trang 69: + GV cho HS nghe file nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
7	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV viết mẫu các chữ Hán, HS viết theo vào vở. – GV giới thiệu quy tắc viết chữ Hán trong bài gồm: trên trước dưới sau, ngang trước sổ sau, trái trước phải sau. GV viết mẫu thứ tự các nét chữ, HS viết theo vào vở. – GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học để củng cố bài học. – Làm bài tập viết phiên âm cho chữ Hán hoặc chữ Hán cho phiên âm.
8	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy xem tranh trả lời câu hỏi. – GV cho HS luyện giao tiếp và trả lời câu hỏi theo đơn vị lớp, nhóm 4 – 5 HS/ nhóm, 5 – 6 cá nhân HS. – Chia nhóm luyện: Sử dụng các vật phẩm xung quanh để hội thoại. Bài 2. Em hãy nghe và hoàn thành hội thoại dưới đây. – GV mở file nghe cho HS luyện nghe 2 lần để hoàn thành mẫu câu trong bài trang. – Sau khi nghe xong mời học sinh thuật lại bài học. Bài 3. Em hãy nói theo mẫu. Mỗi mẫu câu có từ in đậm, GV cho HS mô phỏng theo từ in đậm để thay thế từ, tạo thành câu mới. Cho học sinh tự do phát huy sáng tạo dựa vào mẫu câu cho sẵn.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các từ vựng đã học. – HS viết các cấu trúc đã học vào vở ghi. – GV nhắc lại cách hỏi đáp về người và đồ vật xung quanh.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ tìm hiểu thêm về từ vựng các động từ, tính từ bằng tiếng Trung. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học. – Học thêm từ vựng về trái cây qua internet.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Giải thích bằng tiếng Việt cho học sinh dễ nắm bắt các cấu trúc về câu phủ định "不", câu có phó từ chỉ mức độ "很", đại từ "这，那".

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho giờ học.

– GV có thể gửi link các từ vựng có hình ảnh cho học sinh tự học ở nhà.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

第十五课：我会说中文

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 15, HS có thể biết cách biểu đạt có khả năng làm việc gì đó.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Nghe hiểu và đọc đúng một số các từ mới, câu mẫu.

– Từ vựng: 会，中文，中文书，本，英语
说，写，汉字，字，读

– Cấu trúc: cách biểu đạt có khả năng làm việc gì đó: ...会...; ...不会...; ...会 + động từ

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu và trả lời được các câu nói về sở thích.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán đơn giản: 会，语，两，汉，字.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết cách sử dụng tiếng Trung Quốc để biểu đạt có khả năng làm việc gì đó.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	GV chuẩn bị một số thẻ từ về từ vựng và mẫu câu của bài 14. Gợi ý: Các tổ sẽ lần lượt cử đại diện lên đọc từ và đặt câu theo mẫu. Mỗi tổ trình bày xong, GV sẽ tính điểm.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1	Dạy – học từ ngữ mới (phần 1)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 73, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 会，中文，中文书，本，英语 – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội hoặc chơi cá nhân).
2	Dạy – học cấu trúc (phần 1)	– GV giới thiệu về cách biểu đạt có khả năng làm việc gì đó 我会……。 – GV chuẩn bị các thẻ từ liên quan đến từ ngữ đã học ở bài này hoặc những bài trước, sau đó mời các em HS luyện nói 我会……; 我不会…… – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ. – Đáp án: 1. 她也会中文; 2. 你会英语吗; 3. 我和弟弟都会英语 – GV nhấn mạnh sau 会 là các từ chỉ một hành động
3	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 1)	– GV cho HS nghe *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe 2 lần, nhắc lại nội dung trong file nghe (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm (4 – 5 HS/ nhóm) luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhânvật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp. Nếu còn thời gian cho HS chào và hỏi thăm sở thích của nhau hoặc của một bạn khác.

Tiết	Nội dung	Hình thức
4	Dạy – học từ ngữ mới (phần 2)	– GV cho HS quan sát toàn bộ từ mới trang 77, nghe đọc tổng hợp tất cả các từ: 说，写，读，字，汉字. – GV cho HS nghe và tìm hiểu nghĩa, cách phát âm của các từ theo đơn vị lớp, nhóm và cá nhân. Nếu trình chiếu PPT, GV có thể tạo mỗi trang là 1 từ mới, hình thức nghe, quan sát tranh và nhắc từ. – Chơi trò chơi ghép hình với các từ đã học phía trên để củng cố kiến thức đã học (có thể chia đội hoặc chơi cá nhân).
	Dạy – học cấu trúc (phần 2)	– GV giới thiệu về cách ".....会说.....". GV hướng dẫn cách biểu đạt có khả năng làm việc gì đó. – GV nhấn mạnh sau 会 là các động từ chỉ hành động, việc làm nào đó. – GV cầm và giơ lên một số hành động và hỏi HS với cấu trúc 你会.....吗? – HS chia nhóm và hỏi lẫn nhau về khả năng làm việc gì đó. – GV cho HS luyện tập với bài tập sắp xếp ô chữ.
5	Đọc hội thoại và luyện tập giao tiếp (phần 2)	– GV cho HS nghe phần *Em hãy nghe và nhắc lại*, sau đó sẽ gọi 1 – 2 bạn nhắc lại. – GV lưu ý luyện đọc biến điệu hai thanh 3 trong câu: ví dụ 两 本; và lưu ý ngữ điệu đọc kết nối giữa các từ trong câu. – Ở 2 đoạn hội thoại ngắn: + GV cho HS nghe file 2 lần, nhắc lại nội dung trong file (đồng thanh hoặc cá nhân). + GV đọc mẫu và chia nhóm luyện đọc. GV đi từng nhóm kiểm tra ngữ âm, ngữ điệu và điều chỉnh từng nhóm. + GV cho 1 – 3 nhóm đọc to và cho các bạn nhận xét cho nhau, GV kết luận. – Sau mỗi đoạn hội thoại, GV chia nhóm đóng vai nhân vật trong hội thoại, gọi 1 – 2 nhóm lên nói trước lớp.
6	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	– GV hỏi tên một số nét xuất hiện trong chữ Hán đã học để củng cố bài học. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của từng chữ Hán, yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS. – GV hướng dẫn HS làm bài tập.

Tiết	Nội dung	Hình thức
7	Luyện tập tổng hợp và củng cố bài học	Bài 1. Em hãy xem tranh và trả lời câu hỏi. – GV chia nhóm (2 HS là một nhóm) HS quan sát các bức tranh, sau đó đọc câu trong mỗi bức tranh, một em hỏi một em trả lời. Bài 2. Em hãy nghe và hoàn thành hội thoại dưới đây. – GV cho HS quan sát toàn bộ nội dung, sau đó mở file nghe cho HS. Mỗi ngôi sao thay thế cho một chữ Hán – Ở nội dung này không yêu cầu tất cả HS đều phải biết viết chữ Hán, có những HS chỉ viết được phiên âm, chủ yếu củng cố lại xem năng lực cá nhân của HS đạt đến đâu để từ đó có biện pháp hỗ trợ cá nhân HS đó. Bài 3. Em hãy nói theo mẫu. – Mỗi mẫu câu có từ in đậm, GV cho HS mô phỏng theo từ in đậm để mở rộng câu, luyện tập nói về sở thích của bản thân, cũng như hỏi sở thích của người khác.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV hỏi lại các chữ, các từ đã học và đã tập viết. – HS nói lại các cấu trúc đã luyện tập. – GV nhắc lại cách nói về sở thích.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ có thể hỏi bạn bè, người thân... về sở thích. – Tự nghe lại file nghe từ mới và bài đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện kĩ năng với kiến thức ngôn ngữ

Cách nói .....会.....; .....会说..... ; .....不会..... trật tự từ gần gũi với cách nói của tiếng Việt, chỉ cần giải thích đơn giản, yêu cầu HS mô phỏng theo các cách nói đó.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

Sau khi đọc các câu hoặc hội thoại trong bài, cho HS nói tương tự như vậy ngay theo thực tế. Không yêu cầu HS thuộc câu trong bài, chỉ cần biết dùng mẫu câu để nói theo thực tế.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

Khi kiểm tra bài cũ, GV tạo các trò chơi tạo hứng thú cho giờ học.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

第十六课：复习（3）

1. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài 16, HS có thể: (1) Ghi nhớ nghĩa, cách dùng của các từ ngữ và các cấu trúc từ bài 13 đến bài 15; (2) Hiểu và nhớ được nội dung của các bài đối thoại, các mẫu câu.

2. TRỌNG TÂM DẠY HỌC

2.1. Kiến thức ngôn ngữ:

– Ngữ âm: Luyện phát âm từ, cụm từ, câu ngắn.

– Từ vựng: Ôn tập lại các từ vựng trong chủ điểm.

– Cấu trúc: Ôn tập các cấu trúc .....喜欢...../.....喜欢吃.....; .....很漂亮/.....不大; ....会.../.....不会.....;

2.2. Kĩ năng ngôn ngữ:

– Nghe – Nói: Nghe hiểu các câu nói về sở thích; biết cách miêu tả sự vật xung quanh mình và biết cách biểu đạt có khả năng làm việc gì đó.

– Đọc: Đọc được các từ, cụm từ, câu trong bài.

– Viết: Viết được các chữ Hán được yêu cầu.

2.3. Văn hoá và văn hoá giao tiếp:

Sau bài học, biết sử dụng tiếng Trung Quốc nói về sở thích; miêu tả sự vật xung quanh mình và biết cách biểu đạt có khả năng làm việc gì đó.

3. ĐỒ DÙNG VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Phần mềm dạy viết chữ.

– Phấn, bảng, PPT, máy chiếu.

– Học sinh dùng vở ô li, bút chì, bút máy.

4. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP (KÈM THỜI LƯỢNG, NỘI DUNG BÀI GIẢNG VÀ GỢI Ý CÁC HÌNH THỨC GIẢNG LUYỆN)

Tiến trình lên lớp bao gồm các nội dung: Khởi động, Giảng bài mới và Củng cố bài đã học, trong đó nội dung Khởi động và Củng cố bài đã học do giáo viên chủ động thực hiện một cách linh hoạt tuỳ tình hình thực tế của lớp, nội dung và hình thức tổ chức dưới đây chỉ mang tính gợi ý.

4.1. Khởi động

STT	Nội dung	Hình thức
1	Khởi động	– Hát theo nhạc. – GV mở nhạc bài hát tiếng Trung Quốc, cả lớp hát theo nhạc.

4.2. Giảng bài mới

Tiết	Nội dung	Hình thức
1+2+3+4	Ôn tập ngữ âm	Bài 1. Em hãy nghe và chọn các âm nghe được. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng nhóm. – Đáp án: 1. Yīngyǔ 2. píngguǒ 3. hǎochī 4. cǎoméi 5. piàoliang
		Bài 2. Em hãy nghe và viết phiên âm. – GV vẫn chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) như trước nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng nhóm. – Đáp án: 1. cǎoméi 2. miànbāo 3. qiānbǐ 4. niúnǎi 5. shūbāo

Tiết	Nội dung	Hình thức
		Bài 3. Em hãy nghe và điền phiên âm các chữ Hán dưới đây. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) nghe mỗi từ 2 – 3 lần và ghi đáp án ra bảng. – GV mở lại file nghe chữa bài, nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng nhóm. – Đáp án: 1. běn 2. jiàn 3. niúnǎi 4. chī 5. hē 6. shū
		Bài 4. Em hãy nghe và viết phiên âm để hoàn thành hội thoại dưới đây. – GV chia nhóm HS (4 – 5 bạn/nhóm) yêu cầu điền đúng phiên âm và ghi đáp án ra bảng. – GV nhận xét những đáp án đúng, phân tích lỗi của những đáp án sai để HS cùng rút kinh nghiệm. GV tính điểm cho từng đội. – GV yêu cầu các đội luyện đọc hội thoại với nhau. GV và HS đội còn lại nhận xét và tính điểm. Đội nào đọc trôi chảy, lưu loát sẽ được số điểm tương ứng với số câu đọc đúng. – GV tổng kết số điểm các đội đạt được trong phần ngữ âm và phát phần thưởng. – Đáp án: 1. huì/ huì 2. shuō/ shuō/ xiě 3. jiàn/ jiàn 4. dà/ dà 5. shūbāo/ shūbāo
5	Ôn tập chữ Hán	Bài 5. Em hãy xem tranh viết chữ Hán tương ứng. – GV cho HS quan sát tranh và phiên âm. – GV có thể gợi ý cho HS bằng cách đưa ra một số chữ Hán cho HS nhận biết và viết lại. – Đáp án: 1. 吃　2. 买　3. 小　4. 大　5. 苹果　6. 包子

Tiết	Nội dung	Hình thức
		Bài 6. Em hãy đếm số nét của các chữ Hán dưới đây. – GV chia nhóm, quy định thời gian xem nhóm nào có đáp án nhanh nhất. – GV có thể gợi ý cho HS bằng phương pháp chọn trắc nghiệm. Đáp án 说-9 nét; 吃-6 nét; 喝-12 nét; 很-9 nét; 读- 10 nét – GV tổng hợp điểm các nhóm và khen thưởng. – GV yêu cầu HS các đội đặt các câu hỏi giao tiếp tương tự để các đội hỏi đáp.
6	Dạy – học viết chữ Hán đơn giản	Bài 7. Em hãy tập viết các chữ Hán dưới đây. – GV viết mẫu trên bảng hoặc cho HS xem video thứ tự nét của các chữ Hán 弟, 写, 说, 叫, 很 yêu cầu mỗi chữ Hán viết 1 chữ vào vở tập viết. Trong quá trình viết vừa viết vừa đọc tên nét chữ đang viết (nếu được). GV đi kiểm tra và sửa chữ viết cho HS. – GV tổng hợp các lỗi sai thường gặp trong quá trình viết của HS.
7	Viết câu	Bài 8. Chúng mình cùng chơi ghép câu. Hướng dẫn chơi: – Chia học sinh thành hai đội chơi. – Phát cho các mỗi đội một bộ thẻ từ giống nhau, gồm các từ ngữ: 喜欢、我叫、吃草莓、草莓、我、学生、很、漂亮、好吃、国安、这件衣服、我是 – Trong thời gian quy định, các nhóm sử dụng thẻ từ tạo thành câu. – Giáo viên đọc câu, đội nào dùng thẻ từ ghép thành câu nhanh nhất sẽ chiến thắng. – Giáo viên có thể ghép một số câu cơ bản như: 我叫国安。 这件衣服很漂亮。 国安喜欢吃草莓。 草莓很好吃。 ……

Tiết	Nội dung	Hình thức
8	Luyện nói	Bài 9. Em hãy hoàn thiện bài giới thiệu về bản thân, sau đó đọc to cho các bạn cùng nghe. Giáo viên gợi ý cho học sinh, có thể viết vào vở, sau đó đọc cho các bạn cùng nghe.
	Giới thiệu về văn hoá Trung Quốc	– GV giới thiệu về gấu trúc. – GV có thể tìm tư liệu về gấu trúc cho HS xem.

4.3. Củng cố bài học

STT	Nội dung	Hình thức
1	Củng cố bài học	– GV tổng hợp các cách giao tiếp trong chủ điểm 4. – GV tổng hợp đóng khung các cấu trúc, HS ghi nhớ.
2	Gợi ý cho học sinh	– Khuyến khích HS ngoài giờ, về nhà luyện tập các cấu trúc đã học. – Tập viết các chữ Hán đã học. – Luyện lại các bài hát đã học.

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Kết hợp giảng luyện các kĩ năng

Nghe và chọn phiên âm, kết hợp luyện đọc để củng cố nội dung kiến thức ngữ âm của chủ điểm 4. Kĩ năng nghe, nói được kết hợp trong bài chơi trò chơi, rèn luyện phản xạ cho HS.

5.2. Kết hợp nội dung trong SGK với thực tế giao tiếp

HS nói thực hành giao tiếp thực tế ngay với những nội dung kiến thức của chủ điểm.

5.3. Kết hợp học tập với giải trí

– Chơi trò chơi để luyện tập các cấu trúc, cách nói đã học trong chủ điểm.

– Có các hình thức thi đua, trao thưởng để khích lệ HS hăng hái tham gia.

5.4. Kết hợp luyện tập cá nhân với giao lưu nhóm

Với mỗi nội dung đều nên luyện tập cá nhân để GV kịp thời khen ngợi hoặc sửa lỗi cho từng HS. Đồng thời tạo các bài tập nhóm để HS quen với việc hợp tác làm việc chung, hỗ trợ và nhận xét cho nhau, tạo sự thi đua giữa các nhóm. Lưu ý không lập nhóm cố định.

5.5. Kết hợp học tập trên lớp với tự học ở nhà

– Giao các bài tập viết chữ và bài tập sáng tạo (như học hát, vẽ hoặc tô màu chữ Hán trên phiếu GV in cho) để HS có thể dùng thời gian ở nhà để hoàn thành.

– Các bài tập về nhà mang tính giải trí, không tạo áp lực cho HS.

PHẦN III: MẪU ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ

Kĩ năng	Nhiệm vụ đánh giá/ kiến thức cần đánh giá	Mức/điểm			Tổng số câu, số điểm, tỷ lệ %
		M1	M2	M3	
Nghe	Nghe và nối	2 0.5	2 0.5		16 câu 4 điểm 40%
	Nghe và tích	2 0.5	2 0.5		
	Nghe và chọn A, B hoặc C	2 0.5	1 0.25	1 0.25	
	Nghe và hoàn thành đoạn văn hoặc đối thoại	2 0.5	1 0.25	1 0.25	
Đọc hiểu	Nhìn, đọc và tích ✓ hoặc ×	3 0.75	1 0.25		8 câu 2 điểm, 20%
	Đọc và chọn đáp áp đúng	2 0.5	1 0.25	1 0.25	
Viết	Nhìn tranh viết chữ Hán	2 0.5	1 0.25	1 0.25	8 câu 2 điểm, 20%
	Viết phiên âm/chữ Hán	2 0.5	1 0.25	1 0.25	
Nói	Chào hỏi/làm quen	1 0.25	1 0.25		8 câu 2 điểm, 20%
	Nói câu /Trả lời câu hỏi	2 0.5	1 0.25	1 0.25	
	Nhìn tranh nói câu/từ			2 0.5	
Tổng	Số câu Số điểm	**20** **5**	**12** **3**	**8** **2**	**40** **10**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHÒNG GDĐT……
TRƯỜNG TIỂU HỌC…..

ĐỀ MINH HOẠ

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC: 202… – 202…
MÔN: TIẾNG TRUNG QUỐC 3
Thời gian: 35 phút (cho các phần A, B, C)
(không tính thời gian giao đề)

Họ và tên: …… Lớp:……

Điểm	Nhận xét của giáo viên

A. PHẦN NGHE HIỂU (4.0 ĐIỂM)

I. Nghe và nối bức tranh mà bạn nghe được. (1.0 điểm)

Ví dụ: Em nghe thấy 0. "rì" *Đáp án là E.*

0	1	2	3	4

A	B	C	D	E

II. Nghe và đánh dấu ✓ vào câu đúng hoặc × vào câu sai. (1.0 điểm)

Lǎoshī hǎo!
Ví dụ: Em nghe thấy 0. "老师好! " *Đáp án là ✓.*

0	1	2	3	4
✓				

III. Nghe và khoanh tròn đáp án đúng. (1.0 điểm)

Ví dụ: Em nghe thấy 0. "Zhāng" *Đáp án là A.*

0.	A: Nǐ xìng shénme 你姓什么？	B: Wǒ xìng Zhāng 我姓张。	
	(A.) Zhāng 张	B. Ruǎn 阮	C. Lǐ 李
1.	A. Bǎoyù 宝玉	B. Wénshān 文山	C. Guó'ān 国安
2.	A. Tā xìng Dù 他姓杜	B. Tā xìng Ruǎn 他姓阮	C. Tā xìng Lǐ 他姓李
3.	A. Nà shì shū 那是书	B. Nà shì běnzi 那是本子	C. Nà shì wǒ de shū 那是我的书
4.	A. lǎoshī 老师	B. péngyou 朋友	C. tóngxué 同学

IV. Nghe và hoàn thành nội dung đoạn hội thoại (ghi phiên âm) (1.0 điểm)

1.	A. Zhè shì nǐ de (1) ma? 这是你的（1）吗？	B. Bú shì, shì (2) de. 不是，是（2）的。
2.	A. Nǐ jiào (3) míngzi. 你叫（3）名字？	B. Wǒ jiào (4). 我叫（4）。

B. PHẦN ĐỌC HIỂU (2.0 ĐIỂM)

I. Đọc và đánh dấu ✓ vào câu đúng hoặc × vào câu sai. (1.0 điểm)

Ví dụ: 0	1	2	3	4
māma 妈妈	xièxie 谢谢	wǒ hěn hǎo 我很好	wǒmen 我们	tā de xiàngpí 她的橡皮
×				

II. Đọc và chọn câu trả lời đúng. (1.0 điểm)

0.	Nǐ shì lǎoshī ma? 你是老师吗？	E	A. Wǒ hěn hǎo. 我很好。
1.	Zhè shì shuí de běnzi? 这是谁的本子?		B. Tā shì wǒ de péngyou. 她是我的朋友。
2.	Guó'ān xìng shénme? 国安姓什么?		C. Zhè shì Míngyīng de běnzi. 这是明英的本子。
3.	Tā shì shuí? 她是谁?		D. Tā xìng Dù. 他姓杜。
4.	Héfāng, nǐ hǎo ma? 河芳，你好吗?		E. Bú shì. 不是。

C. PHẦN VIẾT (2.0 điểm)

I. Viết phiên âm cho các chữ Hán dưới đây. (1.0 điểm)

Ví dụ: **0**	**1**	**2**	**3**	**4**
大	九	日	八	四
dà				

II. Xem tranh và viết phiên âm hoặc chữ Hán tương ứng. (1.0 điểm)

Ví dụ: **0**	**1**	**2**	**3**	**4**
什么				
shénme				

D. PHẦN NÓI (2.0 ĐIỂM) (thi vào buổi thi riêng)

I. Chào hỏi. (0.5 điểm)

Nǐ hǎo ma

1. 你好吗?

Nǐ jiào shénme míngzi?

2. 你叫什么名字?

II. Trả lời câu hỏi (1.0 điểm)

1. 这是什么?
2. 你家有几口人?
3. 你有几个老师?
4. 这个字怎么读?

III. Nhìn tranh nói câu (0.5 điểm)

1.

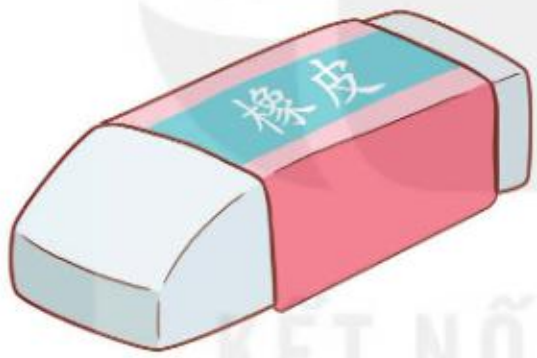

2.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

PHÒNG GDĐT.....
TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC: 202... – 202...
MÔN: TIẾNG TRUNG QUỐC 3

A. PHẦN NGHE HIỂU (4.0 ĐIỂM)

I. Mỗi câu đúng 0.25 điểm:

1. D	2. A	3. C	4. B

Nội dung ghi âm:

1. gǒu	2. shū	3. bā	4. yóuyǒng

II. Mỗi câu đúng 0.25 điểm:

1. ×	2. ✓	3. ✓	4. ×

Nội dung ghi âm:

1. 她叫阮宝玉。
2. 这是我的书包。
3. 谢谢您!
4. 她不是老师，她是我的同学。

III. Mỗi câu đúng 0.25 điểm:

1. C	2. B	3. B	4. A

Nội dung ghi âm:

A: 这是谁的橡皮?
B: 这是国安的橡皮。

A: 你姓杜吗?
B: 不是，我姓阮。

A: 那是你的书吗?
B: 那不是书，那是本子。

A: 她是谁?
B: 她是我们的老师。

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

IV. Mỗi phiên âm đúng 0.25 điểm:

1. shū 书
2. Bǎoyù 宝玉
3. shénme 什么
4. Míngyīng 明英

B. PHẦN ĐỌC HIỂU (2.0 ĐIỂM)

I. Mỗi câu đúng 0.25 điểm:

1. × 2. ✓ 3. × 4. ×

II. Mỗi câu đúng 0.25 điểm:

1. C 2. D 3. B 4. A

C. PHẦN VIẾT (2.0 ĐIỂM)

I. Mỗi câu đúng 0.25 điểm:

1. jiǔ 2. rì 3. bā 4. sì

II. Mỗi câu đúng 0.25 điểm:

1. 同学 tóngxué 2. 笔bǐ 3. 十shí 4. 不bù

D. PHẦN NÓI (2.0 ĐIỂM)

I. Mỗi câu đúng 0.25 điểm:

1. 我很好。
2. 我叫阮明英。

II. Mỗi câu đúng 0.25 điểm:

1. 这是……。
2. 我家有……。
3. 我有……。
4. 读……。

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

III. Mỗi câu đúng 0.25 điểm:

1. Nà shì nǐ de xiàngpí ma?
那是你的橡皮吗?

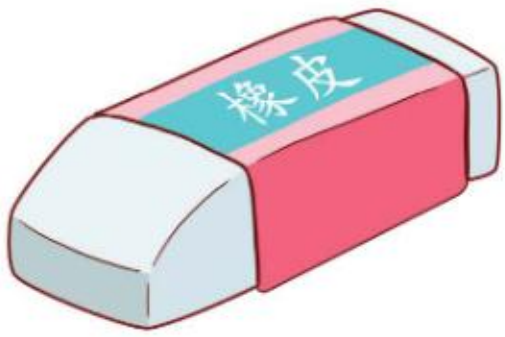

2. Zhè shì shéi de shūbāo?
这是谁的书包?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: NGUYỄN BÁ HOÀN
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2024) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG TRUNG QUỐC 3 - SÁCH GIÁO VIÊN
Mã số: G0HG3N001P24
In ... bản, (QĐ ... - NXBGDHN) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in: ...
Cơ sở in: ...
Số ĐKXB: 163-2024/CXBIPH/1-53/GD.
Số QĐXB: .../QĐ-GD-HN ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm ...
Mã số ISBN: 978-604-0-40988-1

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

1. Tiếng Trung Quốc 3, tập một
2. Tiếng Trung Quốc 3, tập hai

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Website: https://www.nxbgd.vn